

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Số: 242/VTDKĐD-TCHC

V/v: Đại hội đồng Cổ đông
thường niên năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương
2. Mã chứng khoán: PTT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Phường Dịch vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.
4. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Huy – Giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật.
5. Nội dung của thông tin công bố:
 - Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 kèm theo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 (Chi tiết Nghị quyết, Biên bản đính kèm).
6. Địa chỉ Website đăng tải Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016: <http://pvtrans-ptt.vn>.

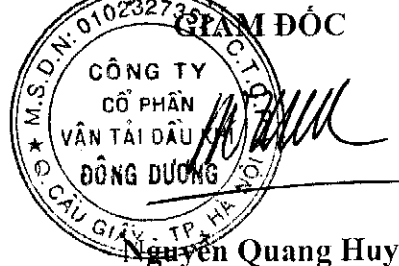
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Số: 01 /BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0102327357, Đăng ký lần đầu: ngày 25/07/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 13: ngày 01/6/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014,

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Vào hồi 09h00 ngày 24/5/2016 tại phòng hội thảo tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã tiến hành phiên họp thường niên năm 2016 với 14 cổ đông, đại diện cho 8.896.300 cổ phần, chiếm 88,963 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

I. Thành phần tham dự và tính pháp lý của Đại hội:

- Để tiến hành Đại hội đúng quy định, Ông Nguyễn Thành Cường – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự đại hội: tại thời điểm 09 giờ 00 phút ngày 24/5/2016 có tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội là 14 cổ đông đại diện cho 8.896.300 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 88,963 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (chi tiết Báo cáo đính kèm). Gồm:
 - Cổ đông Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí; Đại diện: Ông Nguyễn Quốc Phương và Ông Nguyễn Quang Huy; đại diện cho 3.867.000 cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Cổ đông Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam; Đại diện Ông Bùi Văn Đại; Đại diện cho 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Cổ đông Tổng Công ty Dầu Việt Nam; Đại diện Bà Trần Thị Thu Phong; Đại diện cho 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết;
 - Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam; Đại diện Ông Trần Minh Tuấn; Đại diện cho 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết;



- Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI; Đại diện ông Trương Minh Giám; Đại diện cho 1.000.200 cổ phần có quyền biểu quyết;
- Cổ đông Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Dầu khí Toàn Cầu (GPBank); Đại diện ông Đỗ Trung Thành; Đại diện cho 1.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết;
- Và các cổ đông khác đại diện cho 29.100 cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 18, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương đủ điều kiện tiến hành.

2. Tham dự Đại hội còn có các vị khách quý là đại diện đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015, các đơn vị trong ngành và các Cán bộ nhân viên Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

II. Nội dung:

1. Ban tổ chức Đại hội đã tiến hành khai mạc Đại hội.
2. Ban tổ chức thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu,
 - Đoàn Chủ tịch gồm:
 - + Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội.
 - + Ông Nguyễn Quang Huy – Giám đốc – Ủy viên.
 - + Ông Trần Minh Tuấn – Trưởng BKS – Thành viên.
 - Tổ Thư ký Đại hội gồm:
 - + Bà Đỗ Lan Phương – Thư ký Công ty – Tổ trưởng
 - + Ông Hoàng Anh Đức – Phó phòng Kinh doanh - Thành viên
 - Tổ Kiểm phiếu gồm:
 - + Ông Nguyễn Thành Cường – Trưởng phòng Kinh doanh – Tổ trưởng
 - + Ông Nguyễn Huy Bình – Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Thành viên
 - + Bà Nguyễn Thị Tình – Phó phòng Kinh doanh - Thành viên
 - + Bà Nguyễn Thanh Hiền – Chuyên viên phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Thành viên
 - + Bà Lưu Thị Lan Phương – Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch - Thành viên

Tỷ lệ biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
3. Biểu quyết thông qua Nội dung chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Thê lệ biểu quyết tại Đại hội (*chi tiết đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
4. Đại hội đã nghe:
 - 4.1. Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị.
 - 4.2. Ông Nguyễn Quang Huy – Giám đốc trình bày Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2015, Kế hoạch SXKD năm 2016 của Giám đốc Công ty.

- 4.3. Ông Doãn Văn Chiến – Kế toán trưởng trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 4.4. Ông Trần Minh Tuấn – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát.
- 4.5. Và nghe trình bày các nội dung tờ trình về thông qua: Kết quả SXKD năm 2015, Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015, Kế hoạch SXKD năm 2016, Báo cáo thực hiện thù lao năm 2015 và Kế hoạch thù lao năm 2016 của HĐQT và BKS, Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016, Thay đổi thành viên HĐQT; Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty năm 2016 và Sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát thay thế quy chế hiện hành.
- 4.6. Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch HĐQT thông báo Đơn từ nhiệm của bà Đỗ Thị Thanh Nga – Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 và trình bày Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 thay thế bà Đỗ Thị Thanh Nga.
- 4.7. Biểu quyết thông qua nội dung Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 thay thế bà Đỗ Thị Thanh Nga: Nhân sự bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên là:
 Ông Nguyễn Quang Nguyên
 Ngày sinh: 07/4/1983
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội
(Lý lịch cán bộ trích ngang đính kèm)
 Tỷ lệ biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 4.8. Biểu quyết thông qua Quy chế bầu bổ sung Kiểm soát viên tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
 Tỷ lệ Biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5. Kết quả kiểm phiếu theo từng nội dung biểu quyết tại đại hội và nội dung bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017, cụ thể như sau:**
- 5.1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị:
 Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.2. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và Kế hoạch SXKD năm 2016 của Giám đốc:
 Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát:
 Tỷ lệ biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.5. Thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2015:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.7. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2016 và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.8. Thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2015 và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.9. Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao năm 2015 và Kế hoạch thù lao năm 2016 của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.10. Thông qua việc bầu ông Đỗ Trung Thành làm thành viên HĐQT thay thế ông Vũ Việt Linh kể từ ngày 12/5/2016.
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
- 5.11. Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty năm 2016:
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 5.12. Thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT ban hành Quy chế mới thay thế cho Quy chế ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-BKS ngày 28/3/2011.
Tỷ lệ biểu quyết: 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
- 5.13. Thông qua Kết quả bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 đối với ông Nguyễn Quang Nguyên như sau:

| STT | Họ và tên | Số cổ phần bầu | % cổ phần biểu quyết |
|-----|---------------------|----------------|----------------------|
| I | Nguyễn Quang Nguyên | 8.896.300 | 88,963 |

Căn cứ vào kết quả bầu cử theo hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội, theo Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương ông Nguyễn Quang Nguyên đã trúng cử làm Kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017.

(Chi tiết Biên bản kiểm phiếu đính kèm).

6. **Căn cứ kết quả kiểm phiếu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thống nhất những nội dung sau:**
- 6.1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị.
- 6.2. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và Kế hoạch SXKD năm 2016 của Giám đốc.

- 6.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát.
- 6.4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 6.5. Thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2015 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|--|---------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 320,00 | 331,28 | 104 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 4,12 | 118 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 3,87 | 111 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4,17 | 5,09 | 122 |
| 5 | Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 104,04 | 30,17 | 29 |

- 6.6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| Stt | Nội dung | Số tiền |
|-----|--|------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo BCTC đã được kiểm toán | (2.468.582.370) |
| 1.1 | Lợi nhuận năm 2014 chuyển sang | (6.340.268.116) |
| 1.2 | Lợi nhuận thực hiện năm 2015 | 3.871.685.746 |
| 2 | Lợi nhuận năm 2015 đem phân phối | 0 |
| 3 | Lợi nhuận năm 2015 còn lại để bù đắp lỗ lũy kế | 3.871.685.746 |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2016 | (2.468.582.370) |

- 6.7. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2016 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2016 |
|-----|--|---------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 350,0 |
| 2 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 347,0 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,0 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,0 |
| 5 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 5,0 |
| 6 | Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 71,77 |

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

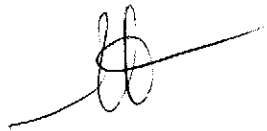
Và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- 6.8. Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015 với tổng số tiền là **150.000.000** đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và Kế hoạch thù lao năm 2016 với tổng số tiền là **174.000.000** đồng (*Một trăm bảy mươi tư triệu đồng*).
- 6.9. Thông qua Việc thay đổi thành viên HĐQT: Ông Đỗ Trung Thành làm thành viên HĐQT thay thế ông Vũ Việt Linh kể từ ngày 12/5/2016.
- 6.10. Thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2016 và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn bao gồm:
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
 - Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (Ernst & Young)
 - Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)
 - Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)
 - Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
- 6.11. Thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT ban hành Quy chế mới thay thế cho Quy chế ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-BKS ngày 28/3/2011 (*chi tiết Dự thảo đính kèm*).
- 6.12. Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (*chi tiết Phụ lục sửa đổi bổ sung đính kèm*).
- 6.13. Thông qua việc thay thế Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 - 2017: Ông Nguyễn Quang Nguyên thay thế bà Đỗ Thị Thanh Nga.

Biên bản Đại hội gồm 06 trang, đã được đọc công khai cho toàn thể Cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe. Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung của Biên bản Đại hội và ủy quyền Đại hội cho Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 12 giờ 15 phút ngày 24/5/2016.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đỗ Lan Phương



Nguyễn Quốc Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----



BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 24 tháng 5 năm 2016, tại phòng hội thảo tầng 5, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Thành Cường, Trưởng Phòng Kinh doanh – Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Tình, Phó phòng Phòng Kinh doanh – Ủy viên.
3. Bà Lưu Thị Lan Phương, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch – Ủy viên.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các đại biểu cổ đông tới dự đại hội với kết quả cụ thể như sau:

1. Số cổ đông tham dự đại hội: 14 cổ đông.

Trong đó: + Tham dự trực tiếp: 07 Cổ đông.
+ Tham dự thông qua uỷ quyền: 07 Cổ đông.

2. Đại diện cho quyền sở hữu **8.896.300** cổ phần bằng **88,963 %** số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (*chi tiết Danh sách kèm theo*).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương được lập vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 5 năm 2016 và được báo cáo công khai trước Đại hội.




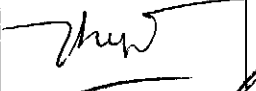

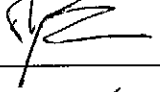



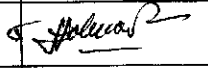
TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Trưởng ban

Nguyễn Thành Cường

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

| TT | TÊN CỔ ĐÔNG | SỐ ĐKSH | SỐ CP NĂM GIỮ | % VỐN ĐL | NGƯỜI ĐẠI DIỆN | KÝ XÁC NHẬN |
|----|---|------------|------------------|-------------|--------------------|---|
| 1 | Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí | 4103006624 | 2.867.000 | 28,67 | Nguyễn Quốc Phương |  |
| | | | 1.000.000 | 10,00 | Nguyễn Quang Huy |  |
| 2 | Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 0100150577 | 1.000.000 | 10,00 | Bùi Văn Đại |  |
| 3 | Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 4104005189 | 1.000.000 | 10,00 | Trần Thị Thu Phong |  |
| 4 | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 0101057919 | 1.000.000 | 10,00 | Trần Minh Tuấn |  |
| 5 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI. | 0100151161 | 1.000.200 | 10,002 | Trương Minh Giản |  |
| 6 | Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu - GPBank | 2700113651 | 1.000.000 | 10,00 | Đỗ Trung Thành |  |
| 7 | Ông Nguyễn Quốc Phương | 011480636 | 5.490 | 0,054.9 | Nguyễn Quốc Phương |  |
| 8 | 06 cổ đông cá nhân ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch HĐQT Công ty. | | 21.480 | 0,214.8 | Nguyễn Quốc Phương |  |
| 9 | Đỗ Thăng Lược | 010504828 | 2.130 | 0,021.3 | Đỗ Thăng Lược |  |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |



Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Thành Cường – Trưởng phòng Kinh doanh – Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn Huy Bình – Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Dầu tư – Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Tình – Phó phòng Kinh doanh – Thành viên
4. Bà Nguyễn Thanh Hiền – Chuyên viên phòng Kỹ thuật An toàn Dầu tư – Thành viên
5. Bà Lưu Thị Lan Phương – Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch – Thành viên

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu xin thông báo kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

I. Các nội dung biểu quyết tại DHDCĐ thường niên năm 2016 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương:

Tổng số phiếu phát ra: 10 phiếu đại diện cho 8.896.300 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội;

Tổng số phiếu thu về: 10 phiếu đại diện cho 8.896.300 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội;

Tổng số phiếu hợp lệ: 10 phiếu đại diện cho 8.896.300 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội

Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu đại diện cho 0 cổ phần, bằng 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Giám đốc:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
3. **Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát:**
- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
4. **Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:**
- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
5. **Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:**
- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
6. **Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015:**
- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
7. **Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.**
- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua Báo cáo thực hiện thù lao năm 2015 và Kế hoạch thù lao năm 2016 của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính năm 2016 và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Trung Thành thay thế ông Vũ Việt Linh kể từ ngày 12/5/2016:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

11. Thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty năm 2016:

- Biểu quyết đồng ý là 8.896.300 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

12. Thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT ban hành Quy chế mới thay thế cho Quy chế ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-BKS ngày 28/3/2011:

392
ĐANG
CỔ P
TẠI
ĐANG
GIẤY

- Biểu quyết đồng ý là **8.896.300** cổ phần, chiếm **100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Biểu quyết không đồng ý là **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không ý kiến là **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

II. Bầu bổ sung một (01) thành viên BKS nhiệm kỳ 2012 – 2017:

Căn cứ thông báo ngày 25/4/2016 của Hội đồng Quản trị về việc đề cử, ứng cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ tờ trình giới thiệu nhân sự bầu bổ sung một (01) Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2012 – 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

1. Danh sách giới thiệu nhân sự bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017 thay thế bà Đỗ Thị Thanh Nga gồm có: 01 nhân sự là:

- Ông: Nguyễn Quang Nguyên

Ngày sinh: 07/4/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng, Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội.

2. Ban Kiểm phiếu đã phổ biến và được Đại hội thông qua Quy chế bầu cử.

3. Ban Kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu cử, giám sát quá trình bầu cử, thu phiếu để tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: **10** phiếu, đại diện cho **8.896.300** cổ phần, bằng **100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

- Tổng số phiếu thu về: **10** phiếu, đại diện cho **8.896.300** cổ phần, bằng **100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Trong đó:

- Số phiếu hợp lệ: **10** phiếu, đại diện cho **8.896.300** cổ phần, bằng **100 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội;

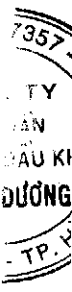
- Số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, đại diện cho **0** cổ phần, bằng **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội;

Kết quả kiểm phiếu như sau:

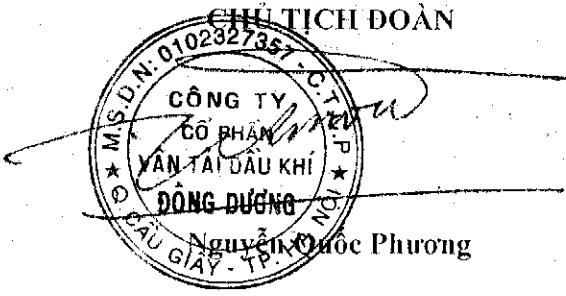
| TT | Họ tên | Số cổ phần bầu | % cổ phần biểu quyết |
|----|---------------------|------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Quang Nguyên | 8.896.300 | 100 |

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, thể lệ bầu cử đã được thông qua, Điều lệ chức và hoạt động của Công ty; ông Nguyễn Quang Nguyên đã trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương nhiệm kỳ 2012 -2017 với kết quả:

| STT | Họ tên | Số cổ phần bầu | % cổ phần biểu quyết |
|-----|---------------------|------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Quang Nguyên | 8.896.300 | 100 |



Biên bản kiểm phiếu gồm 05 trang, được lập xong vào hồi 11 giờ 45 phút ngày 24 tháng 5 năm 2016 và đã được thông qua công khai trước Đại hội.



BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thành Cường

Các thành viên:

Nguyễn Huy Bình

Nguyễn Thị Tình

Nguyễn Thanh Hiền

Lưu Thị Lan Phương



Số: 01 /NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

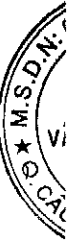
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCD, ngày 24/5/2016 của ĐHĐCD thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01).
2. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2015 và Kế hoạch SXKD năm 2016 của Giám đốc Công ty (Phụ lục 02).
3. Báo cáo hoạt động năm 2015 và Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 03).
4. Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Phụ lục 04).
5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, với các chỉ tiêu chính như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|--|---------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 320,00 | 331,28 | 104 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 4,12 | 118 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 3,87 | 111 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4,17 | 5,09 | 122 |
| 5 | Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 104,04 | 30,17 | 29 |



6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

| Stt | Nội dung | Số tiền |
|-----|--|------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 theo BCTC đã được kiểm toán | (2.468.582.370) |
| 1.1 | Lợi nhuận năm 2014 chuyển sang | (6.340.268.116) |
| 1.2 | Lợi nhuận thực hiện năm 2015 | 3.871.685.746 |
| 2 | Lợi nhuận năm 2015 đem phân phối | 0 |
| 3 | Lợi nhuận năm 2015 còn lại để bù đắp lỗ lũy kế | 3.871.685.746 |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm 2016 | (2.468.582.370) |

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | DVT | Kế hoạch năm 2016 |
|-----|---|---------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 350,0 |
| 2 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 347,0 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,0 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,0 |
| 5 | Nộp ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 5,0 |
| 6 | Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 71,77 |

Ghi chú: Phụ lục Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị đính kèm.

Và ủy quyền cho HĐQT phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

8. Báo cáo thực hiện thù lao của HĐQT, BKS năm 2015 với tổng số tiền là: 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng./.) và Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2016 với tổng số tiền là: 174.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu đồng./.) (Phụ lục 05).

9. Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 và giao cho HĐQT quyết định lựa chọn bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (Ernst & Young)
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

10. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị: Ông Đỗ Trung Thành thay thế ông Vũ Việt Linh kể từ ngày 12/5/2016.

11. Thay đổi Kiểm soát viên: Ông Nguyễn Quang Nguyên thay thế bà Đỗ Thị Thanh Nga.

12. Thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho HĐQT ban hành Quy chế mới thay thế cho Quy chế ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-BKS ngày 28/3/2011 (Phụ lục 06).

13. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương năm 2016 (Phụ lục 07).

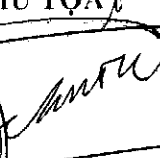

Điều 2. Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ Pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/5/2016.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Quốc Phương

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2016

(Đính kèm Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương)



| STT | Tên dự án | Đơn vị tính | Tổng mức đầu tư | | | Kế hoạch năm 2016 | | | Ghi chú |
|-----|--|-------------|-----------------|----------------|----------------|---|----------------|----------------|--------------------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay + khác | | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay + khác | |
| | Tổng cộng (=A+B+C) | Tỷ đồng | 144,52 | 49,89 | 94,63 | 71,77 | 25,82 | 45,95 | |
| I | Dự án nhóm A | Tỷ đồng | - | - | - | - | - | - | |
| II | Dự án nhóm B | Tỷ đồng | 135,42 | 47,16 | 88,26 | 62,67 | 23,09 | 39,58 | |
| 1 | Dự án chuyển tiếp | Tỷ đồng | 62,33 | 22,75 | 39,58 | 62,33 | 22,75 | 39,58 | |
| - | Dự án đầu tư 6 bồn Composite và 06 rơ moóc cho Công ty CP CNG Việt Nam | Tỷ đồng | 62,33 | 22,75 | 39,58 | 62,33 | 22,75 | 39,58 | |
| 2 | Dự án chuẩn bị đầu tư | Tỷ đồng | 73,09 | 24,41 | 48,68 | 0,34 | 0,34 | - | |
| - | Dự án đầu tư phương tiện và thiết bị cung cấp dịch vụ vận chuyên CNG cho Công ty CP KHL Miền Bắc | Tỷ đồng | 39,26 | 14,26 | 25,00 | Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt | | | |
| - | Đầu tư sà lan | Tỷ đồng | 33,83 | 10,15 | 23,68 | Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt | | | Chi phí triển khai trước dự án |
| | | | | | | 0,34 | 0,34 | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | | | | |
| 1 | Dự án khởi công mới | Tỷ đồng | 9,10 | 2,73 | 6,37 | 9,10 | 2,73 | 6,37 | |
| - | Dự án đầu tư xe văn phòng (05 xe từ 05 - 07 chỗ) | Tỷ đồng | 9,10 | 2,73 | 6,37 | 9,10 | 2,73 | 6,37 | |
| IV | Mua sắm trang thiết bị | | - | - | - | - | - | - | |



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 01:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-DHĐCD ngày 24/5/2016)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015:

- Khó khăn:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế: Thị trường vận tải chưa ổn định do ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường xăng dầu thế giới biến động phức tạp, giá dầu thô có thời điểm giảm sâu dưới 40 USD/thùng; Tỷ giá USD/VND biến động mạnh; Chính phủ ngày càng chặt chẽ trong việc quản lý tải trọng xe, năm 2015 Công ty đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của đơn vị.

- Thuận lợi:

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có được những thuận lợi nhất định:

- + Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và ủng hộ của các Cổ đông lớn, đặc biệt là Tổng Công ty PVTrans, các đơn vị thành viên của PVTrans, PVEP, PVGAS, BSR
- + Công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy hiệu quả trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; chất lượng nguồn nhân lực đã được cải thiện đáng kể, đã hình thành được đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty tâm huyết, có trách nhiệm và đoàn kết, cùng nỗ lực làm việc vì sự tồn tại và phát triển của Công ty.

1. HĐQT hiện có 05 thành viên, đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm:

- Ông Nguyễn Quốc Phương – Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Quang Huy – Ủy viên.
- Ông Bùi Văn Đại – Ủy viên.
- Bà Trần Thị Thu Phong - Ủy viên.
- Ông Đỗ Trung Thành – Ủy viên (Ông Đỗ Trung Thành được HĐQT bầu thay thế ông Vũ Việt Linh từ ngày 12/5/2016 do ông Vũ Việt Linh có đơn xin từ nhiệm).

2. Chỉ đạo hoạt động SXKD:

Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đột xuất; Đã tổ chức 15 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 30 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

a. Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2015 của HĐQT:

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|----|---------------------------|---------------|---|
| 1 | 01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 09/02/2015 | Điều chỉnh KH SXKD năm 2014 |
| 2 | 02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 14/02/2015 | Phê duyệt dự án đầu tư 04 xe 47 chỗ |
| 3 | 03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 26/3/2015 | Bổ nhiệm lại cán bộ |
| 4 | 01/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 10/4/2015 | Họp thường kỳ Quý I năm 2015 |
| 5 | 04/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 24/4/2015 | Phê duyệt KH SXKD năm 2015 |
| 6 | 05/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 24/4/2015 | Phê duyệt KH định biên lao động năm 2015 |
| 7 | 02/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 25/5/2015 | Họp ngày 25/5/2015 |
| 8 | 06/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 25/5/2015 | Phê duyệt điều chỉnh lần 2 Phương án giao khoán kinh doanh đợt 4 (05 xe Taxi Dầu khí thuộc lô xe BKS 30N) theo đề án khai thác thương quyền Taxi Dầu khí. |
| 9 | 07/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 25/5/2015 | Điều chỉnh bổ sung Kế hoạch Đầu tư năm 2015 |
| 10 | 08/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 25/5/2015 | Phê duyệt Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam. |
| 11 | 09/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 26/5/2015 | Thành lập tổ thẩm định Hồ sơ mời thầu Gói thầu MX02/2015 “Mua sắm 08 xe đầu kéo” thuộc Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam. |
| 12 | 10/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 01/6/2015 | Phê duyệt Hồ sơ mời thầu và thời gian tổ chức đấu thầu Gói thầu MX02/2015 “Mua sắm 08 xe đầu kéo” thuộc Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam. |
| 13 | 02A/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 15/6/2015 | Họp thường kỳ Q2/2015 |
| 14 | 03/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 01/7/2015 | Chấp thuận phương án vay vốn tại PVCombank để thực hiện “Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng |

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|----|---------------------------|---------------|---|
| | | | miền Nam” |
| 15 | 11/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 06/7/2015 | Thành lập Tổ thẩm định Kết quả lựa chọn Nhà thầu Gói thầu MX02/2015 “Mua sắm 08 xe đầu kéo” thuộc “Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam” |
| 16 | 12/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 10/7/2015 | Phê duyệt Kết quả lựa chọn Nhà thầu Gói thầu MX02/2015 “Mua sắm 08 xe đầu kéo” thuộc “Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam” |
| 17 | 04/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 03/08/2015 | Điều chỉnh Phương án vay vốn để thực hiện “Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam”. |
| 18 | 13/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 13/8/2015 | Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Quản trị Công ty |
| 19 | 14/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 22/9/2015 | Phê duyệt Đơn giá tiền lương năm 2015 đối với từng loại hình SXKD của Công ty |
| 20 | 05/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 24/9/2015 | Thông qua: Điều chỉnh bổ sung kế hoạch Đầu tư năm 2015; Dự án đầu tư bồn chứa CNG và rơ mooc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South; Dự toán các gói thầu và các hạng mục công việc khác thuộc Dự án và Kế hoạch lựa nhà thầu của Dự án. |
| 21 | 15/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 24/9/2015 | Điều chỉnh bổ sung Kế hoạch Đầu tư năm 2015 (lần 2) |
| 22 | 16/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 24/9/2015 | Phê duyệt “Dự án đầu tư bồn chứa CNG và rơ mooc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South; Dự toán các gói thầu và các hạng mục công việc khác thuộc Dự án và Kế hoạch đấu thầu của Dự án. |
| 23 | 05A/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 01/10/2015 | Họp thường kỳ Q3/2015 |
| 24 | 06/NQ-VTDKDD-HĐQT | 08/10/2015 | Thông qua việc dùng 08 đầu kéo đã được hình thành từ “Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South” làm tài sản đảm bảo để thế chấp vay vốn tại |

| TT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung |
|----|---------------------------|---------------|---|
| | | | Agribank CN Hoàn Kiếm. |
| 25 | 17/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 15/10/2015 | Dừng kinh doanh để đưa vào diện chờ thanh lý đối với xe bồn 5,3MT biển kiểm soát 30M-3414 |
| 26 | 18/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 29/10/2015 | Phê duyệt Kết quả lựa chọn Nhà thầu “Gói thầu số 3: Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu và Kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu số 1” thuộc Dự án đầu tư bồn chứa CNG và Rơ moóc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South” |
| 27 | 07/NQ-VTDKĐD-HĐQT | 16/11/2015 | Thông qua Kế hoạch tái cấu trúc hoạt động kinh doanh taxi giai đoạn 2015 - 2016 |
| 28 | 19/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 03/12/2015 | Phê duyệt và ban hành Quy định về chế độ công tác phí |
| 29 | 20/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 28/12/2015 | Phê duyệt HSMT Gói thầu số 1: “Cung cấp 06 bồn chứa CNG dạng xi lanh, vật liệu composite, công nghệ 250bar, khung container ISO 40feet” thuộc Dự án đầu tư bồn chứa CNG và Rơ moóc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – PVGas South” |
| 30 | 21/QĐ-VTDKĐD-HĐQT | 30/12/2015 | Bán thanh lý xe bồn 5,3MT biển kiểm soát 30M-3414 |

b. Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã:

- Chủ động tham gia hỗ trợ Ban Điều hành rà soát, xây dựng các quy chế quy định nhằm tăng cường công tác quản trị và kiểm soát nội bộ;
- Quản trị doanh thu, lợi nhuận, chi phí và kiểm soát dòng tiền;
- Thực hiện tất toán hợp đồng vay nợ khoản vay ưu đãi của Tập đoàn tại PVCombank.
- Thực hiện xong chương trình tái cấu trúc taxi: Đã thực hiện xong công tác chuyển nhượng hợp đồng giao khoán thương quyền taxi, chuyển quyền sở hữu và chấm dứt HDLD đối với toàn bộ lái xe taxi và khối quản lý điều hành.
- Triển khai dịch vụ vận chuyển CNG với hiệu suất khai thác ổn định, hiệu quả.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty: Kỷ cương, chuyên nghiệp theo định hướng chung của ngành.
- Cập nhật tin tức cổ đông thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Luôn duy trì đoàn kết nội bộ. Động viên, khuyến khích người lao động kịp thời bằng nhiều hình thức trong tình hình công ty còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập của người lao động còn thấp.

c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:

- HĐQT thực hiện chức trách của mình thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành Công ty và các cuộc họp khác. Ngoài ra, HĐQT đã theo dõi nắm bắt tình hình SXKD, tình hình quản lý sử dụng nguồn lực của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ và đột xuất của Giám đốc và của các bộ phận quản lý khác, giúp cho hoạt động của Người đại diện phần vốn của các đơn vị tại Công ty có điều kiện thuận lợi thực thi nhiệm vụ của mình. Trong năm 2015, tất cả các ý kiến của BKS đều được HĐQT xem xét cẩn trọng và tìm giải pháp khắc phục tồn tại, phát huy mặt tích cực.
- Năm 2015, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty đã tuân thủ đúng các quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình theo Điều lệ Công ty và theo các quy định hiện hành khác.

d. Đánh giá chung:

Năm 2015, Các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2015, kết quả hoạt động SXKD của Công ty đã đạt được như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|--|---------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 320,00 | 331,28 | 104 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 4,12 | 118 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 3,87 | 111 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 4,17 | 5,09 | 122 |
| 5 | Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 104,04 | 30,17 | 29 |

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016:

Nhận thức được năm 2016 là năm đầy khó khăn và thách thức, Hội đồng Quản trị Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành tìm giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2016 do ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả các phương tiện vận tải. Tập trung phát triển, tăng cường chất lượng dịch vụ kinh doanh xe văn phòng cho thuê, đẩy mạnh công tác tiếp thị đến các khách hàng trong và ngoài ngành. Tìm kiếm và phát triển thị trường vận chuyển xe bồn LPG nhằm trở thành một trong những lĩnh vực kinh doanh đạt hiệu quả của Công ty.
- Tổ chức vận chuyển an toàn, hiệu quả CNG bằng đường bộ cho Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.

- Chỉ đạo xây dựng phương án đầu tư phương tiện vận tải thủy phục vụ vận chuyển than cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.
- Xem xét đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án đề trong trường hợp khả thi sẽ đầu tư kịp thời; giãn/điều chỉnh các dự án đầu tư chưa có tính khả thi để đảm bảo hiệu quả.
- Hoàn tất chương trình tái cơ cấu, thoái vốn của Công ty khỏi lĩnh vực kinh doanh taxi.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Thực hiện và tuân thủ các quy định của Nhà nước, các nội quy, quy chế của Tập đoàn, Tổng Công ty và Công ty trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ họp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-DHDCD ngày 24/5/2016)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

PHẦN A: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khó khăn:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, năm 2015 Công ty đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức:

- Năm 2015, thị trường vận tải chưa ổn định do ảnh hưởng trực tiếp từ thị trường xăng dầu thế giới biến động phức tạp, giá dầu thô có thời điểm giảm sâu dưới 40 USD/thùng tạo áp lực rất lớn cho Công ty trong việc duy trì sử dụng dịch vụ. Đồng thời, ngay từ đầu năm các đơn vị trong ngành thắt chặt chi tiêu, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí quản lý và kiểm soát đầu tư nên cơ hội mở rộng thị trường, phát triển thêm khách hàng đối với các loại hình dịch vụ hoạt động của Công ty bị tác động và gần như không có cơ hội tăng trưởng.

- Sự cạnh tranh khốc liệt đến từ các hãng taxi giá rẻ như Uber, Grab; quy định của Chính phủ về niên hạn đối với xe Taxi hoạt động tại các thành phố lớn trong đó có thủ đô Hà Nội (với niên hạn hoạt động dưới 08 năm), yêu cầu thoái vốn hoàn toàn khỏi lĩnh vực taxi đã trực tiếp tác động tới sự ổn định và ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh (bắt buộc phải chấm dứt hoạt động kinh doanh taxi tại Hà Nội) và mang đến những rủi ro pháp lý do phải thực hiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với lái xe.

- Lĩnh vực kinh doanh vận tải xe bồn LPG gặp khó khăn khi các quy định của Chính phủ ngày càng chặt chẽ trong việc quản lý tải trọng xe.

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại phải đối mặt với thách thức vô cùng lớn khi giá LPG trong nước và thế giới liên tục giảm sâu từ đầu năm 2015 đến nay (Giá CP bình quân trong năm khoảng 426 USD, giảm 53% so với giá bình quân năm 2014 là 801 USD).

- Tỷ giá USD/VNĐ biến động mạnh (NHNN đã điều chỉnh tăng tỷ giá lên tới 3% so với đầu năm, đồng thời nới rộng biên độ giao dịch tỷ giá từ 1 lên tới 3%) và dự kiến tiếp tục không ổn định trong thời gian tới làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của đơn vị.

2. Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trực tiếp từ Tập đoàn Dầu khí, sự chia sẻ ủng hộ của các đơn vị thành viên trong ngành như PVEP, PVGAS, BSR...và các đơn vị thành viên PVTRANS.

- HĐQT Công ty luôn sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ Ban lãnh đạo giải quyết những vướng mắc trong hoạt động SXKD.

- Hiệu quả của công tác tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã phát huy tác dụng tốt cho sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đội ngũ, cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm, tâm huyết với công việc; Công ty đã hình thành được văn hóa đoàn kết và quyết tâm cao vượt khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015

Với sự nỗ lực và đoàn kết nhất trí cao của Chi ủy, HĐQT, Ban Giám đốc đến từng Cán bộ nhân viên và người lao động trong Công ty, cùng với những giải pháp quyết liệt, đúng đắn, phù

hợp thị trường. Trong năm 2015, Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định các lĩnh vực kinh doanh có lợi thế và đưa lĩnh vực vận chuyển CNG vào khai thác từ tháng 08/2015. Công tác quản lý, quản trị trong từng lĩnh vực tiếp tục được duy trì, điều chỉnh để theo kịp với sự phát triển của công ty cũng như kiểm soát được những rủi ro trong SXKD. Việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và cải thiện. Văn hóa doanh nghiệp được quan tâm và duy trì. Qua đó, từng bước bù đắp lỗ lũy kế, phục hồi vốn chủ sở hữu cho các cổ đông. Năm 2015, PVTrans-PTT đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu: *Bảng số liệu chi tiết từng lĩnh vực kèm theo*

ĐVT: Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2014 | Kế hoạch 2015 | Thực hiện 2015 | So sánh với TH 2014 | So sánh với KH 2015 |
|----|----------------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Doanh thu | 452,10 | 320,00 | 331,28 | 73% | 104% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 1,40 | 3,50 | 4,12 | 294% | 118% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 1,40 | 3,50 | 3,87 | 276% | 111% |
| 4 | Nộp ngân sách | 4,69 | 4,17 | 5,09 | 108% | 122% |

Ghi chú: Doanh thu thực hiện năm 2015 chưa bao gồm khoản thu từ hoạt động thanh lý tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ tài chính doanh nghiệp “*Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý*”

2. Đánh giá kết quả các lĩnh vực kinh doanh chính:

a) Lĩnh vực kinh doanh taxi:

-Taxi thương quyền:

Doanh thu hoạt động taxi năm 2015 đạt 53,741 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch năm 2015.

Thực hiện nhiệm vụ thoái vốn khỏi lĩnh vực taxi, theo đó, Công ty đã triển khai thực hiện việc chấm dứt hoạt động kinh doanh taxi tại Hà Nội trong năm 2015. Tại thị trường Nam Định Công ty đã đàm phán được với Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Hoàn Kiếm và đã chuyển nhượng 63/72 xe trong năm 2015 đạt 87,5% kế hoạch. Trong tháng 1/2016 Công ty đã chấm dứt xong 9 xe còn lại.

-Taxi bareboat:

Cùng với nhiệm vụ thoái vốn khỏi lĩnh vực taxi đối với 100 xe bareboat, Công ty đang nỗ lực phối hợp với Công ty Cửu Long tìm kiếm xem xét phương án thanh lý/chuyển nhượng 100 xe bareboat cho các đối tác quan tâm, hoàn thành trong năm 2016.

b) Lĩnh vực kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

Xác định đây là hoạt động kinh doanh mà Công ty luôn có lợi thế và là thị trường mục tiêu quan trọng để duy trì hiệu quả về lợi nhuận và ổn định doanh thu, Công ty đã tận dụng tối đa các mối quan hệ trong ngành để phát triển các hợp đồng mới, tăng số đầu xe định hạn, duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị vệ tinh để nâng cao năng lực dịch vụ xe chuyên, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trong các dịp hội họp, lễ tết tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

Với chủ trương chỉ đầu tư xe mới khi có các hợp đồng thuê dài hạn, tận dụng các nguồn lực bên ngoài để vừa tiết kiệm vốn đầu tư mà vẫn nâng cao được năng lực dịch vụ. Kết quả trong năm 2015 Công ty đã đầu tư 04 xe 47 chỗ cho PVBuilding thuê đưa đón CBCNV của Công ty BSR từ tháng 05/2015 và 01 xe Carmry cho PVGAS thuê từ giữa tháng 6/2015.

Doanh thu xe văn phòng năm 2015 đạt 15,246 tỷ đồng tương đương 107% kế hoạch năm. Để đạt được điều này là do bên cạnh việc khai thác ổn định và hiệu quả đội xe cho thuê định hạn 21 xe, đội xe chuyên 13 xe. Công ty còn tiếp cận các mối quan hệ trong tập đoàn và kết hợp với các đối tác cho thuê xe vệ tinh để khai thác tối đa xe chuyên. Cơ cấu số xe Công ty đầu tư là 23 xe chiếm 67.6%, xe thuê vệ tinh 11 xe tương ứng 32,4%.

c) Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển xe bồn:

Doanh thu hoạt động xe bồn LPG đạt 4,232 tỷ đồng, bằng 63% kế hoạch năm 2015 do số chuyến khai thác thực tế bình quân chỉ đạt 16 chuyến/xe, giảm 9 chuyến/xe so với kế hoạch. Nguyên nhân do giá CP giảm dần từ đầu năm dẫn đến sản lượng thị trường chiết nạp sụt giảm mạnh và làm nhu cầu vận chuyển giảm tương ứng nên mặc dù Công ty đã nỗ lực kết hợp với các đơn vị như GasN, GasCity, GasHN nhưng vẫn không đảm bảo được sản lượng vận tải như kế hoạch.

Năm 2015, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp để cắt giảm chi phí quản lý trực tiếp tại đội xe LPG Hải Phòng bằng hình thức khoán chi phí trực tiếp cho đội trưởng đội xe, triển khai phương án giao cho lái xe quyền chủ động khai thác vận chuyển thêm đối với các khách hàng ngoài sản lượng công ty đang cung cấp.

d) Lĩnh vực kinh doanh LPG và thương mại khác:

Doanh thu lĩnh vực kinh doanh thương mại năm 2015 đạt 237,662 tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch năm 2015, cụ thể như sau:

- Kinh doanh LPG:

Trước tình hình giá LPG biến động lớn, có những thời điểm giá CP chỉ bằng 50% giá kế hoạch, để đảm bảo kế hoạch doanh thu, ngoài việc duy trì các hợp đồng mua bán LPG với KDK, Công ty đã xúc tiến các hợp đồng thương mại mua bán LPG với PVGasSouth. Nhờ đó, tổng sản lượng LPG kinh doanh đạt từ 1.300MT-1.800MT/tháng, đưa doanh thu LPG năm 2015 đạt 233,383 tỷ đồng, bằng 215% doanh thu kế hoạch kinh doanh LPG.

- Dịch vụ quảng cáo:

Xác định đây là một trong những lĩnh vực kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty, nên Công ty trú trọng hợp tác và quan hệ tốt với các đối tác khách hàng. Năm 2015, Công ty trực tiếp ký kết hợp đồng quảng cáo với PVTrans giá trị hợp đồng 2,772 tỷ đồng, thực hiện duy trì hợp đồng quảng cáo với PVGas với giá trị hợp đồng 1,148 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiếp cận và ký kết được với Công ty BSR hợp đồng quảng cáo với giá trị hợp đồng 982,8 triệu đồng.

Kết quả doanh thu quảng cáo năm 2015 đạt 4,279 tỷ đồng, bằng 134% kế hoạch

e) Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển xe bồn CNG

Công ty đánh giá đây là dự án quan trọng với Công ty, mở ra một lĩnh vực kinh doanh mới, ổn định cả về doanh thu và lợi nhuận đem lại một khoản lợi nhuận ổn định cho Công ty, là cơ hội để hoàn thành nhiệm vụ tái cấu trúc toàn bộ Công ty.

Ngay từ đầu năm, để triển khai dự án cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG, Công ty lập kế hoạch triển khai theo nhiều giai đoạn để tiến hành điều động nhân sự nội bộ, sử dụng các nguồn lực phục vụ dự án phù hợp với từng giai đoạn theo nguyên tắc ổn định các hoạt động hiện tại, tập trung dành các nguồn lực tốt nhất cho dự án mới, kết quả cụ thể:

- Tháng 5 và tháng 6/2015 Công ty đã ký kết được các hợp đồng vận chuyển CNG với PVGasS và PVGasN với sản lượng vận tải đạt 70 triệu Sm³/năm.

- Đến đầu tháng 8/2015, Công ty đã hoàn thành công tác đầu thầu và ký kết hợp đồng mua sắm 08 đầu kéo với cơ cấu vốn đầu tư là 30-70 (30% vốn tự có, 70% là vốn vay của Agribank).

- Đến ngày 16/08/2015, Công ty chính thức triển khai cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG với hiệu suất khai thác ổn định, hiệu quả, doanh thu vận chuyển CNG năm 2015 đạt 17,538 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch, nguyên nhân không đạt kế hoạch doanh thu do tiến độ cấp khí của

Tổng Công ty khí PVGas chậm so với kế hoạch 02 tháng dẫn tới kế hoạch vận chuyển CNG có bị sụt giảm.

3. Công tác đầu tư

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành 03 dự án: Dự án Đầu tư 04 xe 47 chỗ, Dự án Đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ và Dự án đầu tư 08 đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Dự án | Tổng mức đầu tư | Giá trị giải ngân | Thời gian đưa vào khai thác |
|-----|---|-----------------|-------------------|-----------------------------|
| 1 | Dự án Đầu tư 04 xe 47 chỗ | 11,642 | 11,642 | Tháng 5/2015 |
| 2 | Dự án Đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ | 1,522 | 1,522 | Tháng 6/2015 |
| 3 | Dự án đầu tư 08 đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG | 17,005 | 17,005 | Tháng 8/2015 |

- Dự án Đầu tư 04 xe 47 chỗ: Tổng mức đầu tư thực hiện là 11,642 tỷ đồng. Toàn bộ 04 xe đã được bàn giao cho khách hàng đưa vào khai thác kể từ tháng 05/2015.

- Dự án Đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ: Tổng mức đầu tư thực hiện là 1,522 tỷ đồng. Phương tiện đã được bàn giao cho khách hàng khai thác vào giữa tháng 6/2015.

- Dự án đầu tư 08 đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG: Tổng mức đầu tư thực hiện là 17,005 tỷ đồng. Công ty đã đưa vào khai thác từ tháng 08/2015.

4. Công tác đào tạo, lao động tiền lương

a) Công tác đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, trong năm 2015, Công ty triển khai thực hiện cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ do Tập đoàn, PVTrans và các đơn vị khác tổ chức. Kết quả thực hiện một số khóa đào tạo trong năm 2015 như sau: Cử cán bộ tham dự hội thảo tập huấn công tác chính sách pháp luật; khóa học nghiệp vụ đấu thầu; đào tạo hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đầu tư; tham gia hội thảo nâng cao công tác đào tạo nguồn nhân lực; đào tạo nghiệp vụ PCCC, an toàn cho lái xe bồn vận chuyển khí LPG/CNG.

b) Công tác lao động:

Năm 2015, Công ty duy trì mô hình hoạt động với Khối văn phòng Công ty, Trung tâm taxi Hà Nội, Chi nhánh Nam Định, Đội xe bồn LPG, Đội xe văn phòng cho thuê và thành lập mới Tổ dự án vận chuyển CNG tại Thái Bình. Ngoài việc tập trung phát triển nguồn nhân lực hiện có, Công ty đã thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng nhân sự mới từ nguồn bên trong và bên ngoài với đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình và có trình độ chuyên môn đáp ứng được ngay với yêu cầu công việc.

Tổng số lao động hiện tại tính đến thời điểm 31/12/2015 của Công ty là 110 người, trong đó:

| * Khối trực tiếp SXKD: | NV Điều hành | CN Lái xe |
|------------------------------|-----------------|-----------------|
| - Đội xe Văn phòng cho thuê: | 01 người | 22 người |
| - Đội xe bồn LPG: | 01 người | 05 người |
| - Tổ dự án CNG Thái Bình: | 07 người | 06 người |
| - Trung tâm Taxi Hà Nội: | 10 người | 12 người |
| - Chi nhánh Nam Định: | 10 người | 9 người |
| Cộng: | 29 người | 54 người |

Ghi chú: Thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động taxi, đến 31/12/2015 Công ty đã chấm dứt toàn bộ hoạt động taxi Dầu khí tại Hà Nội và Nam Định. Đến 29/2/2016, Công ty hoàn thành công tác xử lý lao động dôi dư (chấm dứt HĐLĐ đối với 16 lao động gián tiếp tại HN, điều động nội bộ 4 lao động, chấm dứt HĐLĐ đối với toàn bộ số lái xe taxi).

Phân loại theo trình độ lao động: Đại học 10 người (12,05%); Cao đẳng 12 người (14,46%); Trung cấp 03 người (3,61%); Công nhân lái xe 54 người (65,06%); Công nhân kỹ thuật 02 người (2,41%); Lao động phổ thông 02 người (2,41%).

Ghi chú: Tính đến ngày 29/02/2016 Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động tại chi nhánh Nam Định là 09 trường hợp. Tại Trung tâm taxi Hà Nội là 7 trường hợp và điều động nội bộ 03 trường hợp.

*** Khối lao động gián tiếp gồm 27 người.**

- Ban Giám đốc: 02 người (GD + PGD);
- Trưởng/phó phòng chức năng: 08 người (04 TP + 04 PP);
- Nhân viên văn phòng: 17 người.

Phân loại theo trình độ lao động: Thạc sỹ: 01 người (3,70%); Đại học: 22 người (81,48%); Cao đẳng/Trung cấp nghề: 03 người (11,11%); Lái xe/CNKT: 01 người (3,70%).

c) Công tác tiền lương:

Công tác chi trả lương cho CBCNV, người lao động luôn đảm bảo tiền độ trước ngày mùng 10 hàng tháng. Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành công việc định kỳ hàng tháng để làm cơ sở chi trả lương cho khối lao động gián tiếp. Tổng quỹ lương chi trả năm 2015 là 10,6 tỷ đồng (không bao gồm lương của khối lái xe taxi). Thu nhập bình quân ước đạt 11,2 triệu đồng/người/tháng

d) Công tác quản trị, tái cấu trúc:

Theo phê duyệt tại phương án tái cấu trúc Công ty Đông Dương sẽ phải hoàn thành nhiệm vụ thoái toàn bộ vốn ra khỏi lĩnh vực taxi để tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực vận tải mới như vận chuyên CNG, vận tải than bằng sà lan cho nhà máy nhiệt điện Thái Bình II.

Xác định nhiệm vụ trên đóng vai trò quan trọng mang tính chất quyết định đến toàn bộ chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty, do đó ngay từ đầu năm 2015 Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung tìm kiếm các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, Công ty đã lựa chọn giải pháp tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng quản lý điều hành trên cơ sở đồng thuận của số đông lái xe và khối quản lý điều hành. Việc chuyển nhượng được xác định phải bao gồm từ việc tiếp nhận phương tiện, lái xe, nhân sự điều hành và cả công nợ.

Với giải pháp trên đến nay về cơ bản Công ty đã hoàn thành việc tái cấu trúc, thoái vốn khỏi lĩnh vực Taxi cả 2 địa bàn Hà Nội và Nam Định, cụ thể:

- Trung tâm taxi Hà Nội: Đến thời điểm hiện tại, Trung tâm taxi đã hoàn thành toàn bộ công tác chấm dứt HĐLĐ, hợp đồng giao khoán thương quyền và chuyển quyền sở hữu tài sản cho lái xe/đơn vị nhận chuyển nhượng. Thực hiện xong toàn bộ công tác bàn giao tài sản và thu đủ giá trị giao khoán xe đồng thời chấm dứt HĐLĐ, điều chuyển và giải quyết chế độ chính sách đầy đủ cho khối lao động quản lý điều hành, lái xe tại Trung tâm taxi Hà Nội.

- Chi nhánh Nam Định: Đến thời điểm hiện tại, Chi nhánh Nam Định đã thực hiện xong công tác chuyển nhượng hợp đồng giao khoán thương quyền taxi, chuyển quyền sở hữu và chấm dứt HĐLĐ đối với toàn bộ khối quản lý điều hành và lái xe taxi tại chi nhánh Nam Định.

Trong năm 2015, Công ty Đông Dương đã thực hiện trả toàn bộ nợ vốn ủy thác cho Tập đoàn PVN, chủ động thu xếp được nguồn tài chính để đầu tư 08 xe đầu kéo cho hoạt động vận chuyển CNG đã đánh dấu việc hoàn thành cơ bản công tác tái cấu trúc tại đơn vị.

5. Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

Chi ủy chi bộ Công ty, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã có những hoạt động nổi bật, thiết thực. Chi bộ Đảng đã trực tiếp lãnh đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội

CCB tổ chức cho các Đoàn viên nhiệt tình tham gia lao động sản xuất; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể quần chúng kiện toàn công tác tổ chức theo đúng quy định, Chi bộ đã thường xuyên tuyên truyền giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ đoàn viên thanh niên trong Công ty. Năm 2015 Chi bộ Công ty đã bồi dưỡng và triển khai thủ tục xét kết nạp Đảng cho 04 đối tượng quần chúng ưu tú.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động hoạt động an sinh xã hội, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân, tương ái và các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV Công ty đã đạt được một số kết quả như sau:

+ Tổ chức chương trình thiện nguyện “Ấm lòng ngày xuân Sơn Lương”, tặng quần áo ấm cho học sinh vùng cao tại trường tiểu học Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

+ Tổ chức các hoạt động vui chơi và tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, chi khen thưởng Học sinh giỏi, học sinh tiên tiến năm học 2014-2015 cho các cháu là con CBNV Công ty với tổng số tiền là: 20.500.000 đồng.

+ Tổ chức dâng hương tri ân các anh hùng liệt sỹ tại Đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ phường Dịch Vọng Hậu nơi địa bàn Công ty hoạt động nhân kỷ niệm 68 năm ngày Thương binh liệt sỹ.

+ Tổ chức dã ngoại tại khu vui chơi Ecopark, tặng quà cho các cháu thanh thiếu niên là con CBCNV nhân dịp Tết Trung thu 2015 với tổng số tiền là: 38.700.000 đồng.

+ Tổ chức kịp thời thăm hỏi CBCNV trong Công ty trong các trường hợp hiếu hỉ, ốm đau với số tiền: 26.300.000 đồng.

+ Công đoàn phối hợp cùng Chính quyền, Đoàn Thanh niên tổ chức và tặng quà sinh nhật cho CBCNV với tổng số tiền: 37.300.000 đồng.

+ Tổ chức thi nấu ăn và tặng quà Nữ CBNV nhân dịp Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 với tổng số tiền: 20.800.000 đồng.

+ Tổ chức chương trình về nguồn tại đền thờ Bác Hồ - Ba Vì và tặng quà nữ CBNV nhân dịp Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 với tổng số tiền: 24.200.000 đồng.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

TỔNG QUAN: Năm 2015 là năm bản lề đánh dấu việc Công ty Đông Dương hoàn thành toàn diện công tác tái cấu trúc, đặc biệt đã thực hiện thoái toàn bộ vốn ra khỏi lĩnh vực hoạt động kinh doanh Taxi kết quả cụ thể như sau:

- Chất lượng công tác quản trị đã được ổn định, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay. Các thông tin kinh tế được phản ánh, cập nhật, phân tích kịp thời đã giúp cho Công ty có những quyết định điều hành đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Bộ máy quản lý điều hành được kiện toàn, sắp xếp lại nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty theo nguyên tắc tinh giản bộ máy gián tiếp, tiết kiệm chi phí hành chính, nâng cao năng lực sản xuất trực tiếp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật, các trường hợp cán bộ lãnh đạo thiếu tinh thần trách nhiệm.

Công ty xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các Cổ đông, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, HĐQT Công ty đặc biệt là Tổng Công ty PVTrans và các đối tác. Công ty cũng ghi nhận và cảm ơn sự cố gắng của toàn thể CBCNV Công ty Đông Dương đã nỗ lực sát cánh cùng Ban lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 2015. Trước mắt Công ty Đông Dương vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức, rất nhiều những việc phải làm. Tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể người lao động trong Công ty tiếp tục đoàn kết phát huy những kết quả đã đạt được và thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

PHẦN B: NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn đọng đã được giải quyết từ năm trước, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng, và bổ sung các chức năng nhiệm vụ mới sẽ là tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

- Hoàn thành toàn bộ công tác tái cấu trúc hoạt động kinh doanh taxi trước quý I/2016. Chấm dứt hợp đồng cho thuê xe bareboat với PCT vào tháng 6/2016, thanh lý thu hồi toàn bộ vốn đầu tư để tập trung nguồn lực sẵn sàng cho các dự án mới.

- Duy trì ổn định hoạt động xe văn phòng cho thuê, đầu tư xe mới cho các hợp đồng dài hạn, gia tăng đầu xe chuyển thông qua liên kết, hợp tác với các đơn vị vệ tinh trên địa bàn. Dự kiến số đầu xe văn phòng cho thuê năm 2016 đạt tối thiểu 36 xe với số xe định hạn chiếm tối thiểu 60%. Tăng cường các hoạt động kinh doanh thương mại khác nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức quản lý và khai thác vận hành đội xe vận chuyển CNG an toàn, đảm bảo hiệu quả theo đúng dự án đã được phê duyệt, đồng thời đẩy nhanh tiến độ đầu tư phương tiện và thiết bị cung ứng dịch vụ vận tải CNG theo các hợp đồng đã ký. Duy trì ổn định hoạt động vận tải LPG, đảm bảo có lãi và an toàn về vốn.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí, nhiên liệu, chi phí quản lý, hao hụt hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị. Đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao đời sống CBCNV, người lao động.

- Công ty chủ động thu xếp tài chính, xây dựng bộ máy nhân sự phù hợp để sẵn sàng triển khai và tham gia vào dự án vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện Thái Bình I, II.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội, đảm bảo tốt chế độ chính sách đối với CBCNV trong Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH KẾ HOẠCH NĂM 2016

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2016 |
|----|------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 350,0 |
| 2 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 347,0 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,0 |
| 4 | Nộp Ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 5,0 |

2. Kế hoạch đầu tư năm 2016 (Phụ biểu chi tiết đính kèm)

Bên cạnh nguồn lực tài sản hiện có của Công ty, để có thể hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016, Công ty sẽ phải tiến hành đầu tư bổ sung các phương tiện và thiết bị vận tải với kế hoạch dự kiến như sau:

- Dự án đầu tư xe văn phòng cho thuê: Công ty dự kiến đầu tư 5 xe văn phòng (5 đến 7 chỗ) với tổng mức đầu tư dự kiến là 9,1 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư bồn composite chứa CNG và rơ moóc cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty cổ phần CNG Việt Nam: Trong năm 2015 Công ty đã đầu tư được 08 xe đầu kéo. Kế hoạch 2016 sẽ tiếp tục đầu tư 06 bộ bồn Composite + rơ moóc đưa vào khai thác bắt đầu từ tháng 7/2016 với tổng mức đầu tư dự kiến 62,33 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư phương tiện và thiết bị cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP KHL Miền Bắc: Kế hoạch năm 2016 đầu tư 04 đầu kéo và 08 bộ bồn thép + rơ moóc với tổng mức đầu tư dự kiến 39,26 tỷ đồng. Công tác đầu tư được thực hiện theo tiến độ sử dụng khí của các khách hàng.

- Dự án đầu tư sà lan vận chuyển than cho các Nhà máy nhiệt điện Thái Bình: Căn cứ tiến độ vận hành của nhà máy nhiệt điện Thái Bình I và II, trong năm 2016 Công ty sẽ hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị đầu tư đội sà lan vận chuyển than tải trọng dưới 2000 DWT với tổng mức đầu tư dự kiến 33,83 tỷ đồng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Sản xuất kinh doanh

a) Kinh doanh xe văn phòng cho thuê

- Bổ sung nhân sự quản lý điều hành phù hợp với số lượng xe kinh doanh để đảm bảo công tác điều độ đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng, nâng cao được chất lượng quản lý dịch vụ.

- Tiếp tục bám sát kế hoạch của các đơn vị trong ngành để thực hiện công tác marketing, phát triển cả số xe định hạn và số lượt xe chuyên. Chủ động xây dựng kế hoạch vận chuyển cho từng khách hàng trong cả năm nhằm mục tiêu ký kết được các hợp đồng vận chuyển trọn gói dài hạn

- Thực hiện đầu tư phương tiện cho thuê theo nhu cầu của khách hàng và đầu tư để thay thế các xe định hạn đang cho thuê sau nhiều năm khai thác, đưa các xe này về kinh doanh chạy chuyên.

b) Kinh doanh LPG

- Duy trì ổn định hoạt động kinh doanh LPG với sản lượng thương mại giao xe bồn từ 450 - 500 tấn/tháng và sản lượng thương mại giao tàu từ 700 - 800 tấn/tháng. Với tổng sản lượng kinh doanh LPG từ 1.200 – 1.300 tấn/tháng góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng của Công ty trong giai đoạn 2016-2017.

- Tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát công tác bán hàng, kiểm soát chặt chẽ công nợ khách hàng với mục tiêu đảm bảo an toàn tuyệt đối nguồn vốn kinh doanh.

c) Kinh doanh dịch vụ vận chuyển LPG

- Tăng cường mối quan hệ với các đơn vị kinh doanh LPG tại miền Bắc để duy trì các hợp đồng thuê vận tải LPG từ 600 - 700 tấn/tháng. Cùng với sản lượng LPG thương mại giao xe bồn của Công ty, khối lượng LPG vận chuyển 2016 dự kiến đạt bình quân từ 1.000 - 1.100 tấn/tháng, đảm bảo tần suất hoạt động của đội xe từ 20 - 22 chuyến/xe/tháng, ổn định được hoạt động kinh doanh vận chuyển xe bồn LPG.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu để tiết giảm tối đa chi phí vận hành, chi phí sửa chữa của từng xe. Triển khai xây dựng và áp dụng cơ chế giao khoán cho lái xe để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

d) Kinh doanh dịch vụ vận chuyển CNG

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành hoạt động vận chuyển CNG phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu quản lý ở từng giai đoạn.

- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, PVGasN, PVGasD trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển.

- Kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nhiên liệu; thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Sở Giao thông, Sở Công an các địa phương nhằm đảm bảo luôn có giải pháp tốt nhất trong việc xử lý các sự cố phát sinh.

e) Kinh doanh vận chuyển than

- Phối hợp chặt chẽ với Ban chức năng và Tổ dự án cung ứng dịch vụ vận chuyển than của Tổng Công ty PVTrans để triển khai công tác thị trường, công tác chuẩn bị đầu tư, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch.

- Chuẩn bị vốn sẵn sàng để đầu tư phương tiện cho dự án;

- Tuyển dụng, đào tạo nguồn lực cho dự án

2. Công tác quản lý, tổ chức

- Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro trên toàn bộ các lĩnh vực, từ quản lý điều hành đến sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy quản lý điều hành phù hợp với quy mô phát triển giai đoạn 2016 - 2020 theo nguyên tắc tinh gọn, năng động và hiệu quả. Xây dựng và tổ chức kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm việc cho CBCNV hiện có, hình thành được đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu quản lý ở các giai đoạn.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, hệ thống quy trình, quy chế,...nhằm tăng cường tiết kiệm chi phí, hợp lý hóa sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng gắn liền với trách nhiệm công việc của mỗi cá nhân. Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất trong đó vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội được chú trọng và phát huy; khuyến khích thưởng vật chất và động viên tinh thần; xây dựng điển hình tiên tiến trong Công ty, đưa thi đua trở thành thường xuyên, thiết thực thu hút và khuyến khích toàn thể CBCNV tham gia cống hiến trí tuệ, sức lực xây dựng Công ty ngày một phát triển và bền vững

3. Công tác phát triển thị trường

- Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Tổng công ty PVTrans để phối hợp với PVTrans Hà Nội và các Ban chức năng của PVTrans triển khai các công tác phát triển thị trường vận tải than khu vực phía Bắc.

- Phối hợp chặt chẽ với PVGasS, PVGasN, PVGasD trong việc cung cấp CNG cho khách hàng, tạo các mối liên kết chặt chẽ, đảm bảo cho sự ổn định dài hạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ vận chuyển CNG.

- Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng hiện có, chủ động xây dựng các cơ chế mở trong hợp tác kinh doanh để phát triển thêm khách hàng ở các lĩnh vực trên nguyên tắc hài hòa về lợi ích.

KẾT QUẢ SXKD TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2015

(Đính kèm Phụ lục 2 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương)

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | | |
|------------|-------------------------------|----------------|---------------|---------------|-------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ TH/KH |
| I | Doanh thu | Tỷ đồng | 320,00 | 331,28 | 104% |
| 1 | Từ dịch vụ vận tải | Tỷ đồng | 103,73 | 90,76 | 87% |
| 1.1 | Dịch vụ vận tải taxi | " | 63,30 | 53,74 | 85% |
| 1.2 | Dịch vụ xe VP cho thuê | " | 14,30 | 15,25 | 107% |
| 1.3 | Dịch vụ xe bồn vận tải CNG | " | 19,41 | 17,54 | 90% |
| 1.4 | Dịch vụ xe bồn vận tải LPG | " | 6,72 | 4,23 | 63% |
| 2 | Từ dịch vụ thương mại | Tỷ đồng | 214,10 | 237,66 | 111% |
| 2.1 | Kinh doanh LPG | " | 108,62 | 233,38 | 215% |
| 2.2 | Dịch vụ quảng cáo | " | 3,20 | 4,28 | 134% |
| 2.3 | Kinh doanh thương mại khác | " | 102,29 | - | |
| 3 | Từ dịch vụ khác | Tỷ đồng | - | | |
| 4 | Từ hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 2,17 | 1,67 | 77% |
| 5 | Thu nhập khác | Tỷ đồng | - | 1,19 | |
| 6 | Các khoản giảm trừ doanh thu | Tỷ đồng | - | | |
| II | Chi phí | Tỷ đồng | 316,50 | 327,16 | |
| 1 | Giá vốn hàng bán | Tỷ đồng | 299,76 | 313,98 | |
| 1.1 | Dịch vụ vận tải | Tỷ đồng | 93,83 | 83,52 | |
| | Dịch vụ vận tải taxi | Tỷ đồng | 58,92 | 52,37 | |
| | Dịch vụ xe VP cho thuê | Tỷ đồng | 10,67 | 11,99 | |
| | Dịch vụ vận tải CNG | Tỷ đồng | 17,70 | 14,35 | |
| | Dịch vụ xe bồn vận chuyển LPG | Tỷ đồng | 6,54 | 4,80 | |
| 1.2 | Dịch vụ thương mại | Tỷ đồng | 205,93 | 230,47 | |
| | Kinh doanh LPG | " | 102,99 | 229,75 | |
| | Dịch vụ quảng cáo | " | 0,71 | 0,72 | |
| | Kinh doanh thương mại khác | " | 102,23 | - | |
| 2 | Chi phí hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 1,90 | 0,77 | |
| 3 | Chi phí bán hàng | Tỷ đồng | 4,56 | 1,54 | |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tỷ đồng | 10,28 | 8,36 | |
| 5 | Chi phí hoạt động khác | Tỷ đồng | - | 2,50 | |
| III | Lợi nhuận | | 3,50 | 3,87 | 111% |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 4,12 | |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,50 | 3,87 | |
| IV | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 4,17 | 5,09 | |

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

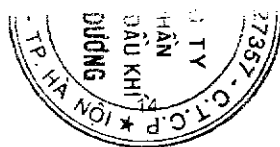
(Đính kèm Phụ lục 2 - Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương)

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | | | | |
|------------|-------------------------------------|----------------|--------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | | | Tổng | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV |
| II | Doanh thu | Tỷ đồng | 350,0 | 83,0 | 83 | 97,8 | 86,3 |
| 1 | Từ dịch vụ vận tải | Tỷ đồng | 158,2 | 39,0 | 39,1 | 37,8 | 42,4 |
| | Vận tải taxi | " | 2,9 | 1,4 | 1,4 | - | - |
| | Vận tải xe văn phòng | " | 15,1 | 3,8 | 3,8 | 3,8 | 3,8 |
| | Vận tải xe bồn CNG | " | 128,8 | 32,5 | 32,6 | 32,7 | 31,1 |
| | Vận tải xe bồn LPG | " | 5,1 | 1,3 | 1,3 | 1,3 | 1,3 |
| | Vận tải than | Tỷ đồng | 6,3 | | | | 6,3 |
| 3 | Từ dịch vụ thương mại | Tỷ đồng | 175,5 | 43,9 | 43,9 | 43,9 | 43,9 |
| | Kinh doanh LPG | " | 52,7 | 13,2 | 13,2 | 13,2 | 13,2 |
| | Thương mại khác | " | 122,9 | 30,7 | 30,7 | 30,7 | 30,7 |
| 4 | Từ dịch vụ khác | Tỷ đồng | - | - | - | - | - |
| 5 | Từ hoạt động tài chính | Tỷ đồng | - | - | - | - | - |
| 6 | Từ hoạt động khác | Tỷ đồng | 16,3 | 0,1 | - | 16,1 | - |
| III | Chi phí | Tỷ đồng | 347,0 | 81,7 | 81,6 | 97,8 | 85,9 |
| 1 | Giá vốn hàng bán | Tỷ đồng | 309,9 | 76,4 | 76,4 | 76,4 | 80,6 |
| 1.1 | Dịch vụ vận tải | Tỷ đồng | 134,9 | 32,7 | 32,7 | 32,6 | 36,9 |
| | Vận tải taxi | " | 2,2 | 1,1 | 1,1 | - | - |
| | Vận tải xe văn phòng | " | 11,0 | 2,7 | 2,7 | 2,8 | 2,8 |
| | Vận tải xe bồn CNG | " | 111,5 | 27,7 | 27,7 | 28,7 | 27,4 |
| | Vận tải xe bồn LPG | " | 4,7 | 1,2 | 1,2 | 1,2 | 1,2 |
| | Vận tải than | " | 5,4 | | | | 5,4 |
| 1.2 | Dịch vụ thương mại | Tỷ đồng | 175,1 | 43,8 | 43,8 | 43,8 | 43,8 |
| | Kinh doanh LPG | " | 52,3 | 13,1 | 13,1 | 13,1 | 13,1 |
| | Thương mại khác | " | 122,8 | 30,7 | 30,7 | 30,7 | 30,7 |
| 1.3 | Từ dịch vụ khác | Tỷ đồng | - | - | - | - | - |
| 2 | Chi phí hoạt động tài chính | Tỷ đồng | 6,4 | 1,6 | 1,6 | 1,6 | 1,6 |
| 3 | Chi phí bán hàng | Tỷ đồng | 3,5 | 1,0 | 1,0 | 0,6 | 0,9 |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tỷ đồng | 10,3 | 2,5 | 2,6 | 2,4 | 2,8 |
| 5 | Chi phí hoạt động khác | Tỷ đồng | 16,9 | 0,1 | - | 16,8 | - |
| III | Lợi nhuận | Tỷ đồng | 3,0 | 1,3 | 1,3 | 0,0 | 0,4 |
| IV | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 5,0 | 1,2 | 1,3 | 1,3 | 1,2 |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2016

(Đính kèm Phụ lục 2 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương)

| STT | Tên dự án | Đơn vị tính | Tổng mức đầu tư | | | Kế hoạch năm 2016 | | | Ghi chú |
|------------|---|----------------|-----------------|----------------|----------------|--|----------------|----------------|---------------------------------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay + khác | | Vốn chủ sở hữu | Vốn vay + khác | |
| | Tổng cộng (=A+B+C) | Tỷ đồng | 144,52 | 49,89 | 94,63 | 71,77 | 25,82 | 45,95 | |
| I | Dự án nhóm A | Tỷ đồng | - | - | - | - | - | - | |
| II | Dự án nhóm B | Tỷ đồng | 135,42 | 47,16 | 88,26 | 62,67 | 23,09 | 39,58 | |
| 1 | Dự án chuyên tiếp | Tỷ đồng | 62,33 | 22,75 | 39,58 | 62,33 | 22,75 | 39,58 | |
| - | <i>Dự án đầu tư 6 bồn Composite và 06 rơ mooc cho Công ty CP CNG Việt Nam</i> | Tỷ đồng | 62,33 | 22,75 | 39,58 | 62,33 | 22,75 | 39,58 | |
| 2 | Dự án chuẩn bị đầu tư | Tỷ đồng | 73,09 | 24,41 | 48,68 | 0,34 | 0,34 | - | |
| - | <i>Dự án đầu tư phương tiện và thiết bị cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP KHL Miền Bắc</i> | Tỷ đồng | 39,26 | 14,26 | 25,00 | <i>Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt</i> | | | |
| - | <i>Đầu tư sà lan</i> | Tỷ đồng | 33,83 | 10,15 | 23,68 | <i>Công ty sẽ lập Dự án đầu tư/Phương án kinh doanh trình HĐQT phê duyệt</i> | | | <i>Chi phí triển khai trước dự án</i> |
| | | | | | | 0,34 | 0,34 | | |
| III | Dự án nhóm C | | | | | | | | |
| 1 | Dự án khởi công mới | Tỷ đồng | 9,10 | 2,73 | 6,37 | 9,10 | 2,73 | 6,37 | |
| - | <i>Dự án đầu tư xe văn phòng (05 xe từ 05 - 07 chỗ)</i> | Tỷ đồng | 9,10 | 2,73 | 6,37 | 9,10 | 2,73 | 6,37 | |
| IV | Mua sắm trang thiết bị | | - | - | - | - | - | - | |



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 03:
(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-ĐHDCĐ ngày 24/5/2016)

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2015
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT.

I. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Cơ cấu tổ chức:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT) gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

2. Thuận lợi và khó khăn của Ban Kiểm soát:

2.1. Thuận lợi:

Việc thông tin liên lạc giữa các thành viên trong Ban, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được duy trì thường xuyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trong Ban.

2.2. Khó khăn:

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong Ban Kiểm soát có 01 thành viên đang công tác tại TP. HCM nên khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

II. Kết quả kiểm soát năm 2015:

1. Đánh giá về hoạt động của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã thực hiện chế độ họp thường kỳ và đột xuất (theo hình thức họp tập trung hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để ra Nghị quyết và quyết định kịp thời giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể, HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết và 21 Quyết định.

Nhìn chung các thành viên HĐQT đều có sự đồng thuận và nhất trí về việc giải quyết các vấn đề của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2015, do Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu (GP Bank) có sự thay đổi nên có một số nội dung Ủy viên HĐQT đại diện của GP Bank không có ý kiến như dự án 8 xe đầu kéo và các vấn đề có liên quan. Mặc dù vậy, tỷ lệ biểu quyết vẫn đảm bảo theo quy định.

Các văn bản ban hành của HĐQT đều gửi cho Ban Kiểm soát để biết và xin ý kiến nếu cần thiết.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc đã chủ động đề xuất, kiến nghị và báo cáo HĐQT các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT; nắm bắt và xử lý kịp thời các vướng mắc, tồn tại trong quản lý và điều hành.

Ban Giám đốc đã phân công nhiệm vụ trong Ban để thực hiện công việc trong từng lĩnh vực cụ thể. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất Công ty đã tổ chức cuộc họp giao ban để kiểm điểm, đánh giá công việc được giao của từng phòng ban, cá nhân, giải quyết những vướng mắc để nâng cao hiệu quả công việc.

Ban Giám đốc đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty. Nhìn chung, nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Giám đốc tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

3.1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

DVT: Tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2014 | Kế hoạch 2015 | Thực hiện 2015 | So sánh với TH 2014 | So sánh với KH 2015 |
|----|----------------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|---------------------|
| 1 | Doanh thu | 452,10 | 320,00 | 331,28 | 73% | 104% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 1,40 | 3,50 | 4,12 | 294% | 118% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 1,40 | 3,50 | 3,87 | 276% | 111% |
| 4 | Nộp ngân sách | 4,69 | 4,17 | 5,09 | 108% | 122% |

a) Lĩnh vực kinh doanh taxi:

- Taxi thương quyền:

Doanh thu hoạt động taxi năm 2015 đạt 53,741 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch năm 2015.

Triển khai nhiệm vụ thoái vốn khỏi lĩnh vực taxi, Công ty đã xây dựng lộ trình và các phương án tái cấu trúc hoạt động kinh doanh taxi trình Hội đồng Quản trị tại Nghị quyết số 07/NQ-VTDKDD ngày 16/11/2015. Theo đó, Công ty đã triển khai thực hiện việc chấm dứt hoạt động kinh doanh taxi tại Hà Nội trong năm 2015. Tại thị trường Nam Định Công ty đã đàm phán được với Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Hoàn Kiếm và đã chuyển nhượng 63/72 xe trong năm 2015 đạt 87,5% kế hoạch. Trong tháng 1/2016 Công ty đã chấm dứt xong 9 xe còn lại.

- Taxi bareboat:

Cùng với nhiệm vụ thoái vốn khỏi lĩnh vực taxi đối với 100 xe bareboat, Công ty đang nỗ lực phối hợp với Công ty Cửu Long tìm kiếm xem xét phương án thanh lý/chuyển nhượng 100 xe bareboat cho các đối tác quan tâm, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2016.

b) Lĩnh vực kinh doanh xe văn phòng cho thuê:

Đây là hoạt động kinh doanh mà Công ty luôn có lợi thế và là thị trường mục tiêu quan trọng để duy trì hiệu quả về lợi nhuận và ổn định doanh thu, Công ty đã tận dụng tối đa các mối quan hệ trong ngành để phát triển các hợp đồng mới, tăng số đầu xe định hạn, duy trì tốt mối

quan hệ với các đơn vị vệ tinh để nâng cao năng lực dịch vụ xe chuyển, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trong các dịp hội họp, lễ tết tại Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

Năm 2015 Công ty đã đầu tư 04 xe 47 chỗ cho PVBuilding thuê đưa đón CBCNV của Công ty BSR từ tháng 05/2015 và 01 xe Camry cho PVGAS thuê từ giữa tháng 6/2015.

Doanh thu xe văn phòng năm 2015 đạt 15,246 tỷ đồng tương đương 107% kế hoạch năm.

c) Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển xe bồn:

Doanh thu hoạt động xe bồn LPG đạt 4,232 tỷ đồng, bằng 63% kế hoạch năm 2015 do số chuyến khai thác thực tế bình quân chỉ đạt 16 chuyến/xe, giảm 9 chuyến/xe so với kế hoạch. Nguyên nhân do đến sản lượng thị trường chiết nạp sụt giảm mạnh và làm nhu cầu vận chuyển giảm tương ứng nên mặc dù Công ty đã nỗ lực kết hợp với các đơn vị như GasN, GasCity, GasHN nhưng vẫn không đảm bảo được sản lượng vận tải như kế hoạch.

Năm 2015, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp để cắt giảm chi phí quản lý trực tiếp tại đội xe LPG Hải Phòng bằng hình thức khoán chi phí trực tiếp cho đội trưởng đội xe, triển khai phương án giao cho lái xe quyền chủ động khai thác vận chuyển thêm đối với các khách hàng ngoài sản lượng công ty đang cung cấp.

d) Lĩnh vực kinh doanh LPG và thương mại khác:

Doanh thu lĩnh vực kinh doanh thương mại năm 2015 đạt 237,662 tỷ đồng, bằng 111% kế hoạch năm 2015, cụ thể như sau:

- Kinh doanh LPG:

Tổng sản lượng LPG kinh doanh đạt từ 1.300MT-1.800MT/tháng, doanh thu LPG năm 2015 đạt 233,383 tỷ đồng, bằng 215% doanh thu kế hoạch kinh doanh LPG.

- Dịch vụ quảng cáo:

Dịch vụ quảng cáo mang lại lợi nhuận cao cho Công ty. Do đó, Công ty trú trọng hợp tác và quan hệ tốt với các đối tác khách hàng. Năm 2015 Công ty được Tổng Công ty PVTrans hỗ trợ, trực tiếp ký kết hợp đồng quảng cáo với giá trị hợp đồng 2,772 tỷ đồng, thực hiện duy trì hợp đồng quảng cáo với PVGas với giá trị hợp đồng 1,148 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty cũng đã tiếp cận và ký kết được với Công ty BSR hợp đồng quảng cáo với giá trị hợp đồng 982,8 triệu đồng.

Kết quả doanh thu quảng cáo năm 2015 đạt 4,279 tỷ đồng, bằng 134% kế hoạch.

e) Lĩnh vực kinh doanh vận chuyển xe bồn CNG:

Năm 2015, Công ty đã triển khai dự án cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG, cụ thể:

- Tháng 5 và tháng 6/2015 Công ty đã ký kết được các hợp đồng vận chuyển CNG với PVGasS và PVGasN với sản lượng vận tải đạt 70 triệu Sm³/năm.
- Đến đầu tháng 8/2015, Công ty đã hoàn thành công tác đầu thầu và ký kết hợp đồng mua sắm 08 đầu kéo.
- Đến ngày 16/08/2015, Công ty chính thức triển khai cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG với hiệu suất khai thác ổn định, hiệu quả.
- Doanh thu vận chuyển CNG năm 2015 đạt 17,538 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch, nguyên nhân không đạt kế hoạch doanh thu do tiến độ cấp khí của Tổng Công ty khí PVGas chậm so với kế hoạch 02 tháng dẫn tới kế hoạch vận chuyển CNG có bị sụt giảm.

3.2. Công tác đầu tư:

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai và hoàn thành 03 dự án: Dự án Đầu tư 04 xe 47 chỗ, Dự án Đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ và Dự án đầu tư 08 đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Dự án | Tổng mức đầu tư | Giá trị giải ngân | Thời gian đưa vào khai thác |
|-----|---|-----------------|-------------------|-----------------------------|
| 1 | Dự án Đầu tư 04 xe 47 chỗ | 11,642 | 11,642 | Tháng 5/2015 |
| 2 | Dự án Đầu tư 01 xe văn phòng 05 chỗ | 1,522 | 1,522 | Tháng 6/2015 |
| 3 | Dự án đầu tư 08 đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG | 17,005 | 17,005 | Tháng 8/2015 |

III. Công tác thẩm định báo cáo tài chính

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 và các chứng từ Ban Kiểm soát được cung cấp, các báo cáo tài chính được công ty lập theo đúng mẫu biểu với một số chỉ tiêu kết quả như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị (đồng) |
|-----------|--|------------------------|
| I | BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 92.359.940.088 |
| 1.1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.670.372.120 |
| 1.2 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 53.502.226.017 |
| 1.3 | Hàng tồn kho | 2.256.627.383 |
| 1.4 | Tài sản ngắn hạn khác | 930.714.568 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 72.027.964.457 |
| 2.1 | Các khoản phải thu dài hạn | 294.487.500 |
| 2.2 | Tài sản cố định | 70.415.201.718 |
| 2.3 | Tài sản dài hạn khác | 1.318.275.239 |
| | Tổng tài sản | 164.387.904.545 |
| 3 | Nợ phải trả | 66.856.486.915 |
| 3.1 | Nợ ngắn hạn: | 53.135.069.111 |
| 3.2 | Nợ dài hạn | 13.721.417.804 |
| 4 | Vốn chủ sở hữu | 97.531.417.630 |
| 4.1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 100.000.000.000 |
| 4.2 | Lãi, lỗ lũy kế | -2.468.582.370 |
| | Tổng nguồn vốn | 164.387.904.545 |
| II | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH | |
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 331.276.889.425 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 4.119.006.345 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 3.871.685.746 |

Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định. Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2015.

Các chỉ số tài chính cơ bản:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng doanh thu: 1,18%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 3,97%.

IV. Kết luận và kiến nghị:

Để nâng cao công tác quản lý, điều hành cũng như hiệu quả kinh doanh, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy trình, quy chế của Công ty phù hợp phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thông lệ hiện hành.
2. Các khoản phải thu Công ty tại ngày 31/12/2015 là 56,3 tỷ đồng. Trong đó có 2,99 tỷ đồng là công nợ tồn đọng từ các năm trước, Công ty đã trích lập dự phòng từ 2014 và đang nỗ lực triển khai các biện pháp thu hồi. Ngoài ra còn một số khoản phải thu quá hạn thanh toán 6,4 tỷ đồng phát sinh do khách hàng chậm thanh toán, đang được Công ty thu hồi và luân chuyển trong quá trình kinh doanh.
3. Đề nghị Công ty có phương hướng xử lý các khoản phải thu, tạm ứng còn tồn đọng.
4. Dự án xe 6 bồn CNG đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại QĐ 16/QĐ-VTDKDD-HĐQT. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 09/2015 và đưa vào hoạt động từ tháng 2/2016. Hiện nay, tiến độ thực hiện bị chậm so với phê duyệt.
5. Đề nghị các thành viên HĐQT tham gia biểu quyết các nội dung xin ý kiến của Công ty để đảm bảo tỷ lệ biểu quyết.
6. Đề nghị các thành viên Ban Kiểm soát thu xếp thời gian để tham gia đầy đủ các đợt kiểm soát tại Công ty.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2016:

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2016 như sau:

1. Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực cần trọng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư, quản lý vốn, tài sản... của Công ty.
2. Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án đầu tư, công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương, thưởng, các chế độ khác liên quan đến Công ty và người lao động,...
3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty.
4. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Giám đốc.
5. Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông.
6. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị chức năng trong Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2016)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Deloitte



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐỒNG DƯƠNG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015.



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 7 - 25 |

23273

ÔNG T
CỔ PHẦN
TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

VIỆT Á

01001
CÔNG TY
TRÁCH NH
ĐÔNG DƯƠNG
VIỆT Á

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Quốc Phương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Thành viên |
| Ông Bùi Văn Đại | Thành viên |
| Bà Trần Thị Thu Phong | Thành viên |
| Ông Vũ Việt Linh | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Quang Huy | Giám đốc |
| Ông Phạm Hồng Chấn | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

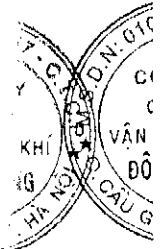
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016



Số: 523 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

232730

ÔNG T
Ổ PHẦN
TÀI DẦU
NG DƯỚI

4Y-TP



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 92.359.940.088 | 144.852.861.313 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 35.670.372.120 | 48.779.568.961 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.560.372.120 | 6.099.568.961 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 31.110.000.000 | 42.680.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 53.502.226.017 | 92.053.045.592 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 51.128.701.181 | 87.553.790.923 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 331.445.849 | 319.551.480 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 4.130.478.561 | 7.233.694.739 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (3.060.493.146) | (3.725.809.732) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 972.093.572 | 671.818.182 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 2.256.627.383 | 2.639.059.601 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.637.034.210 | 2.794.031.577 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (380.406.827) | (154.971.976) |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 930.714.568 | 1.381.187.159 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 9 | 908.694.848 | 1.359.167.439 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 12 | 22.019.720 | 22.019.720 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 72.027.964.457 | 83.803.252.947 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 294.487.500 | 294.487.500 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 7 | 294.487.500 | 294.487.500 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 70.415.201.718 | 81.760.376.950 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 70.415.201.718 | 81.753.390.290 |
| - Nguyên giá | 222 | | 135.249.439.960 | 186.359.998.661 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (64.834.238.242) | (104.606.608.371) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | 6.986.660 |
| - Nguyên giá | 228 | | 92.920.000 | 92.920.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (92.920.000) | (85.933.340) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.318.275.239 | 1.748.388.497 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 9 | 1.318.275.239 | 1.748.388.497 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 164.387.904.545 | 228.656.114.260 |



M.S.D.N. 01023

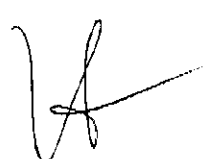
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 66.856.486.915 | 134.996.382.376 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 53.135.069.111 | 114.773.560.380 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 11 | 38.953.460.393 | 80.850.140.126 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 427.418.654 | 28.186.649 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 12 | 2.068.745.496 | 515.987.037 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.400.013.421 | 2.170.899.604 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.803.344.919 | 437.783.541 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 632.000.000 | 865.309.092 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 3.748.517.330 | 844.716.286 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 13 | 1.440.000.000 | 29.060.538.045 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 14 | 661.568.898 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 13.721.417.804 | 20.222.821.996 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 15 | 4.571.417.804 | 20.222.821.996 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 16 | 9.150.000.000 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 97.531.417.630 | 93.659.731.884 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 97.531.417.630 | 93.659.731.884 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 2. (Lỗ) lũy kế | 421 | | (2.468.582.370) | (6.340.268.116) |
| - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (6.340.268.116) | (7.741.544.958) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 3.871.685.746 | 1.401.276.842 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 164.387.904.545 | 228.656.114.260 |

7357
 B. TY
 H. AN
 D. AU K
 D. UY H
 TP.


 Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu


 Doãn Văn Chiến
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2015 | | 2014 | |
|--|-------|-------------|-----------------|--|-----------------|--|
| | | | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 18 | 328.419.146.091 | | 446.934.898.727 | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | | 389.418.250 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 18 | 328.419.146.091 | | 446.545.480.477 | |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 19 | 313.984.186.826 | | 433.983.412.831 | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 14.434.959.265 | | 12.562.067.646 | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 1.668.419.688 | | 2.778.774.378 | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 773.854.065 | | 1.518.784.515 | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 773.854.065 | | 1.518.784.515 | |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 21 | 1.537.870.000 | | 478.438.945 | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 8.361.018.803 | | 12.627.821.916 | |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | 5.430.636.085 | | 715.796.648 | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 22 | 1.189.323.646 | | 735.853.780 | |
| 12. Chi phí khác | 32 | 23 | 2.500.953.386 | | 50.373.586 | |
| 13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (1.311.629.740) | | 685.480.194 | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 4.119.006.345 | | 1.401.276.842 | |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 24 | 247.320.599 | | - | |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | | - | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 3.871.685.746 | | 1.401.276.842 | |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 25 | 387 | | 140 | |



100
CC
CHI
YE
VIỆ
/SE

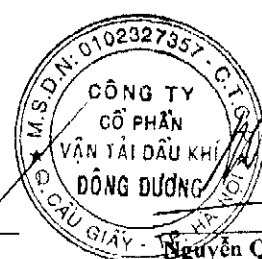
(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

(Handwritten signature)

Doãn Văn Chiến
 Kế toán trưởng



(Handwritten signature)

Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2015 | 2014 |
|--|-------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 4.119.006.345 | 1.401.276.842 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 19.085.229.607 | 18.435.189.770 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 221.687.163 | 3.107.604.076 |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (67.857.744) | (3.013.756.480) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 773.854.065 | 1.518.784.515 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 24.131.919.436 | 21.449.098.723 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 39.287.252.828 | (996.082.651) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | 156.997.367 | (753.736.782) |
| Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (49.497.624.670) | 11.890.178.466 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 880.585.849 | 2.041.128.404 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (773.854.065) | (1.538.180.320) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 1.164.553.027 | 3.270.170.430 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (4.436.829.890) | (1.860.947.767) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 10.912.999.882 | 33.501.628.503 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (25.265.089.017) | (8.523.100.182) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 18.116.127.318 | 2.103.401.614 |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 6.000.000.000 |
| 4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.597.303.021 | 2.677.016.600 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (5.551.658.678) | 2.257.318.032 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 24.200.000.000 | 70.096.105.299 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (42.670.538.045) | (88.106.105.299) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (18.470.538.045) | (18.010.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (13.109.196.841) | 17.748.946.535 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 48.779.568.961 | 31.030.622.426 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60) | 70 | 35.670.372.120 | 48.779.568.961 |

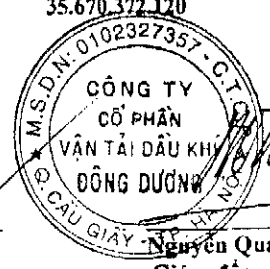
27357
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI
ĐẦU KHÍ
ĐỒNG DƯƠNG
HÀ NỘI

11:
NI
PHÉ
CQ
T
A.

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Đoàn Văn Chiến
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 131 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 278 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



15/11
3
VI
17
N
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

27357
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU KHÍ
ĐÔNG DƯƠNG
HÀ NỘI - TP. HỒ

3
1
T
M
7
A
1
1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm 2015</u> |
|---------------------|-----------------|
| | Số năm |
| Máy móc và thiết bị | 4 - 5 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

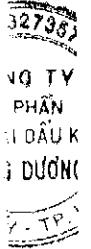
Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 2.468.582.370 VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 550.828.130 | 405.770.200 |
| Tiền gửi ngân hàng (i) | 4.009.543.990 | 5.693.798.761 |
| Các khoản tương đương tiền (ii) | 31.110.000.000 | 42.680.000.000 |
| | <u>35.670.372.120</u> | <u>48.779.568.961</u> |

- (i) Tiền gửi Ngân hàng bao gồm số tiền 13.969.358 VND gửi tại Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị phong tỏa. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, bao gồm số tiền 610.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị phong tỏa. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có những quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐỒNG DƯƠNGTầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 13.736.812.021 | 18.555.804.922 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang | 3.384.937.394 | 4.754.237.549 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Hoàn Kiếm | 2.278.124.627 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương | 2.038.145.163 | 5.091.313.682 |
| Công ty Cổ phần Việt Xổ Gas | 1.719.736.808 | 2.557.909.757 |
| Đối tượng khác | 4.315.868.029 | 6.152.343.934 |
| b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28) | 37.391.889.160 | 68.997.986.001 |
| | 51.128.701.181 | 87.553.790.923 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a. Ngắn hạn: | 4.130.478.561 | 7.233.694.739 |
| Ký cược, ký quỹ | - | 2.200.000.000 |
| Tạm ứng | 1.802.034.335 | 2.437.922.653 |
| Khác | 2.328.444.226 | 2.595.772.086 |
| b. Dài hạn: | 294.487.500 | 294.487.500 |
| Ký cược, ký quỹ | 294.487.500 | 294.487.500 |
| | 4.424.966.061 | 7.528.182.239 |

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|-----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.327.761.274 | 380.406.827 | 1.236.037.873 | 154.971.976 |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 5.625.000 | - |
| Hàng hoá | 1.309.272.936 | - | 1.552.368.704 | - |
| Cộng | 2.637.034.210 | 380.406.827 | 2.794.031.577 | 154.971.976 |

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 236.486.726 VND (năm 2014: 154.971.976 VND) và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 11.051.874 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 908.694.848 | 1.359.167.439 |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 908.694.848 | 1.359.167.439 |
| b) Dài hạn | 1.318.275.239 | 1.748.388.497 |
| - Dịch vụ thuê xe bồn LPG | 1.062.000.000 | 1.180.000.000 |
| - Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng | 256.275.239 | 568.388.497 |
| | 2.226.970.087 | 3.107.555.936 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

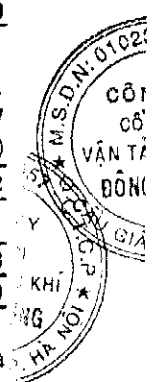
| | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 3.827.988.941 | 182.460.768.356 | 71.241.364 | 186.359.998.661 |
| Mua sắm mới | - | 27.456.743.637 | - | 27.456.743.637 |
| Thanh lý trong năm | - | (78.567.302.338) | - | (78.567.302.338) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 3.827.988.941 | 131.350.209.655 | 71.241.364 | 135.249.439.960 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 2.801.857.607 | 101.746.038.850 | 58.711.914 | 104.606.608.371 |
| Trích khấu hao trong năm | 368.559.441 | 18.697.154.056 | 12.529.450 | 19.078.242.947 |
| Thanh lý trong năm | - | (58.850.613.076) | - | (58.850.613.076) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 3.170.417.048 | 61.592.579.830 | 71.241.364 | 64.834.238.242 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 31/12/2015 | 657.571.893 | 69.757.629.825 | - | 70.415.201.718 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 1.026.131.334 | 80.714.729.506 | 12.529.450 | 81.753.390.290 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 14.720.265.082 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 60.956.947.420 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.018.143.581 VND (năm 2014: 908.846.307 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | 31/12/2014 | |
|---|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 3.780.288.691 | 3.780.288.691 | 1.439.991.439 | 1.439.991.439 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang | 1.045.000.000 | 1.045.000.000 | - | - |
| Các đối tượng khác | 2.735.288.691 | 2.735.288.691 | 1.439.991.439 | 1.439.991.439 |
| b. Phải trả người bán các bên liên quan (xem Thuyết minh số 28) | 35.173.171.702 | 35.173.171.702 | 79.410.148.687 | 79.410.148.687 |
| | 38.953.460.393 | 38.953.460.393 | 80.850.140.126 | 80.850.140.126 |



11/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

| Chỉ tiêu | Phát sinh trong năm | | | 31/12/2015 VND |
|------------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------|
| | 31/12/2014 | Số phải nộp/thu trong năm | Số đã nộp/thu trong năm | |
| | VND | VND | VND | |
| a. Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 22.019.720 | - | - | 22.019.720 |
| Thuế GTGT đầu ra | 22.019.720 | - | - | 22.019.720 |
| Cộng | 22.019.720 | - | - | 22.019.720 |
| b. Các khoản phải trả | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 440.169.388 | 4.627.459.261 | 3.477.166.388 | 1.590.462.261 |
| Thuế GTGT đầu ra | 440.169.388 | 4.627.459.261 | 3.477.166.388 | 1.590.462.261 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 247.320.599 | - | 247.320.599 |
| Các loại thuế khác | 75.817.649 | 117.715.520 | 50.428.079 | 143.105.090 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 75.817.649 | 113.715.520 | 46.428.079 | 143.105.090 |
| Thuế môn bài | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Các khoản phải nộp khác | - | 96.701.527 | 8.843.981 | 87.857.546 |
| Phạt hành chính về thuế | - | 96.701.527 | 8.843.981 | 87.857.546 |
| Cộng | 515.987.037 | 5.089.196.907 | 3.536.438.448 | 2.068.745.496 |

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| Chỉ tiêu | 31/12/2014 | | Phát sinh trong năm | | 31/12/2015 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Số có khả năng | | Tăng | Giảm | Số có khả năng | |
| | Giá trị VND | trả nợ VND | | | Giá trị VND | trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Hợp đồng số 36/PV- PETROTRANS | 29.060.538.045 | 29.060.538.045 | - | 29.060.538.045 | - | - |
| Hợp đồng số 290115-757247- 01-SME ngày 29/01/2015 | - | - | 8.500.000.000 | 8.500.000.000 | - | - |
| Hợp đồng số 300915-757247- 02-SME ngày 30/09/2015 | - | - | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16) | - | - | 1.440.000.000 | - | 1.440.000.000 | 1.440.000.000 |
| Cộng | 29.060.538.045 | 29.060.538.045 | 13.440.000.000 | 41.060.538.045 | 1.440.000.000 | 1.440.000.000 |

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Số dư dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là chi phí trích trước sửa chữa lớn cho dự án CNG ở Thái Bình.

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe taxi.

2735
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DẦU
 KHÍ ĐÔNG
 DƯƠNG
 Y-TP

30/1
 ON
 PHH
 LL
 ET
 2x

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| Chi tiêu | 31/12/2014 | | Phát sinh trong kỳ | | 31/12/2015 | |
|--|----------------|------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số có khả năng | | Tăng | Giảm | Số có khả năng | |
| | Giá trị VND | trả nợ VND | | | Giá trị VND | trả nợ VND |
| Vay dài hạn | - | - | 12.200.000.000 | 1.610.000.000 | 10.590.000.000 | 10.590.000.000 |
| <i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm</i> | - | - | 12.200.000.000 | 1.610.000.000 | 10.590.000.000 | 10.590.000.000 |
| Cộng | - | - | 12.200.000.000 | 1.610.000.000 | 10.590.000.000 | 10.590.000.000 |

Khoản vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 1502LAV201500527 ký ngày 03 tháng 8 năm 2015 nhằm thanh toán tiền mua đầu kéo. Thời hạn cho vay là 60 tháng từ ngày nhận nợ đầu tiên là ngày 03 tháng 8 năm 2015 đến ngày 03 tháng 8 năm 2020 (không có ân hạn). Khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân Khoản vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả sau của Agribank Hoàn Kiếm + 2,5% - 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 08 đầu kéo hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 14.720.265.082 VND (xem Thuyết minh số 10).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 1.440.000.000 | 17.106.750.669 |
| Trong năm thứ hai | 2.440.000.000 | 21.880.928.430 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 6.710.000.000 | 30.970.096.011 |
| | 10.590.000.000 | 69.957.775.110 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần Vay ngắn hạn</i>) | 1.440.000.000 | 17.106.750.669 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 9.150.000.000 | 52.851.024.441 |

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | (Lỗ) lũy kế VND | Cộng VND |
|---------------------------|----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 100.000.000.000 | (7.741.544.958) | 92.258.455.042 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 1.401.276.842 | 1.401.276.842 |
| Số dư tại ngày 01/01/2015 | 100.000.000.000 | (6.340.268.116) | 93.659.731.884 |
| Lợi nhuận trong năm | - | 3.871.685.746 | 3.871.685.746 |
| Số dư tại ngày 31/12/2015 | 100.000.000.000 | (2.468.582.370) | 97.531.417.630 |



125
 G
 MH
 NT
 NA
 TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------|------------|
| Cổ phiếu | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| +) Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| +) Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. | | |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký | | Vốn đã góp tại ngày | |
|--|------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| | kinh doanh điều chỉnh | | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | VND | % | VND | VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 38.670.000.000 | 38,67 | 38.670.000.000 | 38.670.000.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam | 10.002.000.000 | 10,00 | 10.002.000.000 | 10.002.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 10.000.000.000 | 10,00 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu | 10.000.000.000 | 10,00 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 10.000.000.000 | 10,00 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 10.000.000.000 | 10,00 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 11.328.000.000 | 11,33 | 11.328.000.000 | 11.328.000.000 |
| | 100.000.000.000 | 100 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2015 | 2014 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 328.419.146.091 | 446.934.898.727 |
| Doanh thu bán hàng | 233.382.964.859 | 362.936.586.885 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 95.036.181.232 | 83.998.311.842 |
| <i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 28)</i> | <i>214.695.067.436</i> | <i>237.178.902.120</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | 389.418.250 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 328.419.146.091 | 446.545.480.477 |

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

| | 2015 | 2014 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 229.746.344.221 | 371.070.268.444 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 84.237.842.605 | 62.913.144.387 |
| | 313.984.186.826 | 433.983.412.831 |

323273
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI DẦU
KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
VIỆT NAM

11/01/2016
NH
TE
M/TH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2015 | 2014 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 22.112.269.549 | 31.103.523.836 |
| Chi phí nhân công | 25.884.120.001 | 23.757.044.034 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 19.085.229.607 | 18.435.189.770 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.080.126.434 | 8.345.302.038 |
| Chi phí khác bằng tiền | 14.414.867.552 | 6.784.719.726 |
| | 94.576.613.143 | 88.425.779.404 |

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2015 | 2014 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | 8.361.018.803 | 12.627.821.916 |
| Chi phí nhân công | 5.428.425.842 | 5.297.438.811 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 141.908.614 | 168.719.624 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 193.296.931 | 220.045.392 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 53.321.742 | 58.419.452 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 83.535.892 | 64.201.599 |
| Chi phí dự phòng | (665.316.586) | 3.988.531.704 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.564.559.182 | 1.190.118.960 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.561.287.186 | 1.640.346.374 |
| Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | 1.537.870.000 | 478.438.945 |
| Chi phí phát triển thị trường | 896.960.000 | - |
| Chi phí mua ngoài | 638.000.000 | 464.018.945 |
| Chi phí khác | 2.910.000 | 14.420.000 |

22. THU NHẬP KHÁC

| | 2015 | 2014 |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu thanh lý Hợp đồng trước thời hạn | 676.022.957 | - |
| Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 32.116.864 |
| Thu nhập khác | 513.300.689 | 703.736.916 |
| | 1.189.323.646 | 735.853.780 |

23. CHI PHÍ KHÁC

| | 2015 | 2014 |
|------------------------------|----------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.600.561.944 | - |
| Chi phí khác | 900.391.442 | 50.373.586 |
| | 2.500.953.386 | 50.373.586 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | 2015 | 2014 |
|--|----------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 4.119.006.345 | 1.401.276.842 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế: | (2.994.821.803) | (1.401.276.842) |
| Trừ: Lỗi kỳ trước mang sang | (3.188.086.117) | (1.401.276.842) |
| Cộng: Chi phí không hợp lý hợp lệ | 193.264.314 | - |
| Thu nhập chịu thuế | 1.124.184.542 | - |
| Thuế suất | 22% | 22% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 247.320.599 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 247.320.599 | - |

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2015 | 2014 |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.871.685.746 | 1.401.276.842 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 387 | 140 |

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 10.590.000.000 | 29.060.538.045 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.670.372.120 | 48.779.568.961 |
| Nợ thuần | - | - |
| Vốn chủ sở hữu | 97.531.417.630 | 93.659.731.884 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | - | - |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

327367
 NG TY
 PHÂN
 AI DẦU KH
 ĐƯƠNG
 V. TP. V

PHÂN
 V. TP. V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi số | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.670.372.120 | 48.779.568.961 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 50.691.139.761 | 91.061.675.930 |
| Tổng cộng | 86.361.511.881 | 139.841.244.891 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 10.590.000.000 | 29.060.538.045 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 39.680.047.108 | 81.579.656.116 |
| Chi phí phải trả | 1.803.344.919 | 437.783.541 |
| Tổng cộng | 52.073.392.027 | 111.077.977.702 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| 31/12/2015 | Dưới 1 năm | Từ 1-5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.670.372.120 | - | 35.670.372.120 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 50.691.139.761 | - | 50.691.139.761 |
| Tổng cộng | 86.361.511.881 | - | 86.361.511.881 |
| | Dưới 1 năm | Từ 1-5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 1.440.000.000 | 9.150.000.000 | 10.590.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 35.108.629.304 | 4.571.417.804 | 39.680.047.108 |
| Chi phí phải trả | 1.803.344.919 | - | 1.803.344.919 |
| Tổng cộng | 38.351.974.223 | 13.721.417.804 | 52.073.392.027 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 48.009.537.658 | (13.721.417.804) | 34.288.119.854 |

273
 G T
 PHÂN
 DẦU
 DƯỚI
 Y. TP
 DIT
 C
 TRÁC
 DI
 V
 TÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-ĐN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

| 31/12/2014 | Dưới 1 năm | Từ 1-5 năm | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 48.779.568.961 | - | 48.779.568.961 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 91.061.675.930 | - | 91.061.675.930 |
| Tổng cộng | 139.841.244.891 | - | 139.841.244.891 |
| | Dưới 1 năm | Từ 1-5 năm | Tổng |
| | VND | VND | VND |
| Các khoản vay | 29.060.538.045 | - | 29.060.538.045 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 81.579.656.116 | - | 81.579.656.116 |
| Chi phí phải trả | 437.783.541 | - | 437.783.541 |
| Tổng cộng | 111.077.977.702 | - | 111.077.977.702 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 28.763.267.189 | - | 28.763.267.189 |

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2015 | 2014 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 2.186.644.728 | 2.488.420.825 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 2.349.541.842 | 2.666.685.838 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 704.311.138 | 1.438.327.273 |
| | 3.053.852.980 | 4.105.013.111 |

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.



0111
 ÔN
 NH
 ELC
 IẾT
 DA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu:

| STT | Bên liên quan | Mối quan hệ |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam | Tập đoàn |
| 2 | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | Tổng Công ty |
| 3 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long | Cùng Tổng Công ty |
| 4 | Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí | Cùng Tập đoàn |
| 5 | Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP | Cùng Tập đoàn |
| 6 | Công ty TNHH Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVEP Trung Á | Cùng Tập đoàn |
| 7 | Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam | Cùng Tập đoàn |
| 8 | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | Cùng Tập đoàn |
| 9 | Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | Cùng Tập đoàn |
| 10 | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | Cùng Tập đoàn |
| 11 | Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | Cùng Tập đoàn |
| 12 | Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội | Cùng Tập đoàn |
| 13 | Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định | Cùng Tập đoàn |
| 14 | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | Cùng Tập đoàn |
| 15 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội | Cùng Tập đoàn |
| 16 | Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn | Cùng Tập đoàn |
| 17 | Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau | Cùng Tập đoàn |
| 18 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc | Cùng Tập đoàn |
| 19 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng | Cùng Tập đoàn |
| 20 | Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | Cùng Tập đoàn |
| 21 | Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | Cùng Tập đoàn |
| 22 | Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | Cùng Tập đoàn |
| 23 | Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh | Cùng Tập đoàn |
| 24 | Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam | Cùng Tập đoàn |
| 25 | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam | Cùng Tập đoàn |
| 26 | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc | Cùng Tập đoàn |
| 27 | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | Cùng Tập đoàn |
| 28 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị | Cùng Tập đoàn |
| 29 | Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | Cùng Tập đoàn |

2735

B. TY

H. H. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

Đ. Đ. N.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNGTầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | 2015 | 2014 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 214.695.067.436 | 237.178.902.120 |
| Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam | 166.249.153.745 | 130.148.522.956 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | 16.574.811.714 | 3.942.855.605 |
| Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc | 11.079.234.320 | 731.118.110 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long | 7.110.828.182 | 7.586.529.646 |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP | 3.866.854.454 | 4.096.302.749 |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 2.146.362.500 | 2.783.751.500 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 1.740.610.043 | 1.678.444.490 |
| Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí | 1.612.845.910 | - |
| Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam | 1.042.162.615 | 821.160.723 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Hà Nội | 890.345.266 | 2.585.650.668 |
| Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | 751.657.690 | 651.869.100 |
| Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn | 714.051.360 | 1.587.000.035 |
| Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á | 623.724.637 | 758.673.910 |
| Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau | 292.425.000 | 551.002.350 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt | - | 79.200.629.877 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh | - | 50.857.400 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định | - | 4.533.001 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 240.980.778.655 | 228.137.482.326 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 166.094.520.225 | - |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | 62.549.271.275 | 158.912.952.581 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội | 6.409.820.547 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | 2.859.325.072 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long | 1.266.069.089 | 1.766.889.200 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 967.462.472 | 1.212.930.499 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng | 563.940.919 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | 119.230.986 | 61.612.244.558 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | 67.548.637 | 4.493.596.773 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Miền Bắc | 45.818.182 | 63.600.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị | 37.771.251 | 75.268.715 |
| Lãi vay | | |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 773.854.065 | 1.494.994.078 |

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2015 | 2014 |
|---|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và các thành viên | 926.588.066 | 891.020.604 |



10.
TY
HƯ H
ITE
AM
P. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | <u>31/12/2015</u> | <u>31/12/2014</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu | 37.391.889.160 | 68.997.986.001 |
| Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam | 25.713.069.508 | 65.728.688.185 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | 3.615.997.176 | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | 2.821.915.800 | 102.300.000 |
| Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc | 2.735.535.880 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long | 590.907.999 | 856.807.837 |
| Công ty TNHH MTV Lọc Hoá Dầu Bình Sơn | 498.354.098 | 612.747.465 |
| Công ty Cổ phần CNG Việt Nam | 362.934.112 | 197.272.728 |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP | 340.124.198 | 751.080.198 |
| Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí | 220.000.000 | - |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 191.799.850 | 133.068.078 |
| Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam | 85.120.200 | 100.723.435 |
| Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | 71.434.036 | 87.853.868 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội | 61.218.453 | 242.434.767 |
| Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau | 37.768.500 | 111.335.840 |
| Công ty TNHH Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí PVEP Trung Á | 28.106.100 | 56.673.600 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 17.603.250 | 17.000.000 |
| Phải trả | 35.173.171.702 | 79.410.148.687 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 25.462.054.931 | 65.709.577.741 |
| Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | 6.447.251.698 | 10.176.496.547 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | 1.934.114.598 | 2.652.948.167 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội | 1.325.304.475 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long | - | 642.475.400 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | - | 89.608.702 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định | 4.429.500 | 10.686.500 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng | 16.500 | 128.355.630 |
| Các khoản vay | | |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | - | 29.060.538.045 |

32733
 NG T'
 PHÂN
 AI DẦU
 S DƯỚI
 Y-TP

G.T.T.
 AN
 T. NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

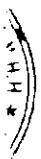
MẪU SỐ B 09-DN

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu Bảng cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

| Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC | | Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC | | Thay đổi | | |
|--|-------|---|---|--------------------|---------------|-------------------------------------|
| TÊN CHỈ TIÊU | Mã số | 31/12/2014 | TÊN CHỈ TIÊU | Mã số | 31/12/2014 | |
| <u>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u> | | <u>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u> | | | | |
| I. Tài sản | | I. Tài sản | | | | |
| 1. Các khoản phải thu khác | 135 | 2.540.459.923 | 1. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7.233.694.739 | Trình bày lại, đổi tên và đổi mã số |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 22.019.720 | Trình bày lại và đổi mã số |
| <i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i> | | | 3. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 671.818.182 | Phân loại lại |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 5.309.740.835 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | Phân loại lại |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | 294.487.500 | 5. Phải thu dài hạn khác | 216 | 294.487.500 | Phân loại lại và đổi mã số |
| II. Nguồn vốn | | II. Nguồn vốn | | | | |
| 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 493.967.317 | 1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 515.987.037 | Trình bày lại và đổi mã số |
| 2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 789.404.123 | 2. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 844.716.286 | Trình bày lại và đổi tên |
| 3. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | 865.309.092 | 3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 865.309.092 | Phân loại lại và đổi mã số |
| <u>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u> | | <u>2014 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u> | | <u>2014</u> | | |
| 1. Thu nhập khác | 31 | 2.780.389.287 | 1. Thu nhập khác | 31 | 735.853.780 | Trình bày lại |
| 2. Chi phí khác | 32 | 2.094.909.093 | 2. Chi phí khác | 32 | 50.373.586 | Trình bày lại |



Nguyễn Thị Huyền
 Người lập biểu

Đoàn Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Huy
 Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 05:
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Công ty CP Vận tải Dầu Khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-DHĐCĐ ngày 24/5/2016)

**BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2016
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.**



BÁO CÁO
THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2016
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.

1. Báo cáo thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2015:

Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS năm 2015 đã được phê duyệt: 174.000.000 đồng
(Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

- Thù lao đã chi cho HĐQT và BKS năm 2015:
- Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng (số lượng 03 người, do không chi thù lao cho Giám đốc Công ty kiêm Ủy viên HĐQT).
- Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
- Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng (02 người)

Tổng cộng năm 2015: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2016:

Trên cơ sở tình hình thực hiện chi trả Thù lao HĐQT, BKS năm 2015, Kế hoạch SXKD của công ty năm 2016, Giám đốc công ty Báo cáo Kế hoạch chi trả Thù lao HĐQT, BKS năm 2016 để HĐQT xem xét trình Đại hội cổ đông thông qua như sau:

- a. Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm, Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:
- + Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/tháng
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng
 - + Trưởng ban kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng
 - + Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.000.000 đồng/người/tháng
 - + Tổng quỹ thù lao: 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).
- b. Đối với các chức danh Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên chuyên trách sẽ do Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương trả lương theo quy định của Công ty/Tổng công ty/ Nhà nước.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 06:

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHDCD ngày 24/5/2016)

SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2016.



PHỤ LỤC:
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG (PV TRANS-PTT)

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------------------|---|---|--|----------------------------------|
| 1 | Điểm a Khoản 1 Điều 1 | "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp | "Vốn điều lệ" là <i>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán được ghi nhận tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.</i> | Nhằm phù hợp với quy định tại Khoản 29 Điều 4 Luật DN 2014 | |
| 2 | Điểm b Khoản 1 Điều 1 | "Luật Doanh Nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 | "Luật Doanh Nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số <i>68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).</i> | | |
| 3 | Chương II và Điều 2 | Bổ sung thêm tiêu đề của Chương II và Điều 2 | <i>Tên, người đại diện theo pháp luật, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</i> | <i>Bổ sung tiêu đề cho phù hợp với nội dung ghi trong điều 2</i> | |
| 4 | Khoản 4 Điều 2 | Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. | Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc. | <i>Luật yêu cầu ĐLệ quy định cụ thể số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty</i> | Khoản 2 Điều 13 LDN 2014 |
| 5 | Khoản 6 Điều 2 | Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này... | Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này... | <i>Phù hợp với số điều khoản thực tế của Điều lệ</i> | |
| 6 | Khoản 1 Điều 4 | Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh | Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy | LDN 2014 đã bỏ quy định chi kinh doanh | Điều 7 và Điều 29 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|----------------|--|--|--|---|
| | | theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này.... | định của pháp luật và Điều lệ này.... | những ngành nghề ghi trên GCNDKDN, theo đó Công ty được tự do | |
| 7 | Khoản 2 Điều 4 | Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua | Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua | tiến hành những ngành nghề mà pháp luật không cấm trừ trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật. | Sửa đổi theo quy định tại Điều 7 LDN 2014 |
| 8 | Khoản 2 Điều 5 | Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua | Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua | Ngoài quyền tăng vốn thì CTCP có quyền được giảm vốn trong 1 số trường hợp nhất định. | Điều 111 LDN 2014 |
| 9 | Khoản 4 Điều 6 | Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. | Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau: a)Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty thiêu hủy; b)Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối | Phù hợp với Khoản 3 Điều 120 LDN | |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------|---|--|--|----------------------|
| | | | với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới. | | |
| 10 | Khoản 2 Điều 11 | Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau | Cổ đông phổ thông có các quyền sau | Sửa đổi thuật ngữ cho đúng luật | |
| 11 | Điểm g Khoản 2 Điều 11 | Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty..... | Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty | Phù hợp với Điểm g Khoản 1 Điều 114 LDN | |
| 12 | Điểm h Khoản 2 Điều 11 | Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp | Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp | Bổ sung cụ thể điều khoản áp dụng theo LDN mới | Theo Điều 129 LDN |
| 13 | Khoản 3 Điều 11 | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông ... | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông... | Thay đổi tỷ lệ theo quy định trong LDN 2014 | Khoản 2 Điều 114 LDN |
| 14 | Điểm a Khoản 3 Điều 11 | Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32. Điều lệ này | Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 34. Điều lệ này | Thay đổi điều khoản tương ứng trong LDN 2014 | |
| 15 | Điểm b Khoản 3 Điều 11 | Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp | Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp | Thay đổi điều khoản tương ứng trong LDN 2014 | Khoản 3 Điều 114 LDN |

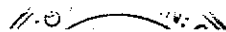
| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------------|---|--|--|--------------------------------------|
| 16 | Điểm c Khoản 3 Điều 11 | Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông | Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát. | Sửa đổi bổ sung theo LDN 2014 | Điểm b Khoản 2 Điều 114 LDN |
| 17 | Khoản 6 Điều 12 | Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. | Đề nghị bỏ | Điều 115 LDN không quy định nghĩa vụ này của cổ đông phổ thông | |
| 18 | Khoản 1 Điều 13 | Điều lệ cũ chưa quy định | Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, Công ty có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. | Bổ sung theo LDN mới | Khoản 2 Điều 136 LDN 2014 |
| 19 | Khoản 2 Điều 13 | Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các | Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ | Bổ sung theo Khoản 1 Điều 136 LDN 2014 | |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------------|---|--|---|----------------------|
| | | kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm. | toạ tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm. | | |
| 20 | Điểm c Khoản 3 Điều 13 | Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ | Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ | Bổ sung thêm nội dung theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 136 | |
| 21 | Điểm e Khoản 3 Điều 13 | Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình | Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình | Thay đổi điều khoản tương ứng trong LDN 2014 | Điều 160 LDN 2014 |
| 22 | Điểm b Khoản 4 Điều 13 | Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp | Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp | Thay đổi điều khoản tương ứng trong LDN 2014 | Điều 136 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|---------------------------------|--|--|---|----------------------------|
| 23 | Điểm b, c Khoản 4 Điều 13 | b.....Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5, Điều 97 Luật Doanh nghiệp c.....Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. | b.....Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5, Khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp c....Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. | Thay đổi điều khoản tương ứng trong LDN 2014 | Điều 136 LDN 2014 |
| 24 | Điểm b Khoản 1 Điều 14 | Báo cáo của Hội đồng Quản trị | Báo cáo của Hội đồng Quản trị về Quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị | Bổ sung theo Điểm c Khoản 2 Điều 136 LDN 2014 | |
| 25 | Điểm c Khoản 1 Điều 14 | Báo cáo của Ban Kiểm soát | Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Giám đốc | Bổ sung theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 LDN 2014 | |
| 26 | Điểm 1 Khoản 2 Điều 14 | Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán | Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán | Trong LDN 2014 cho phép Điều lệ Công ty quy định mức khác (PVTrans-PTT đang quy định là 50%) tuy nhiên theo Điểm d Mục 2 Điều 143 – hình thức thông qua NQ ĐHCĐ và Điểm d Mục 1 Điều 144 về điều kiện để NQ được thông qua đều quy định mức 35%. Do vậy để thống nhất cách áp dụng Luật và tăng | Theo Điểm d Mục 1 Điều 135 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------|--|--|---|---------------------------------|
| | | | | thẩm quyền của ĐHĐCĐ, PVTrans-PTT đề xuất từ mức 50% xuống 35% | |
| 27 | Điểm p Khoản 2 Điều 14 | Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán | Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán | Sửa đổi dẫn chiếu đến điều khoản tương ứng trong LDN 2014 Sửa đổi tỷ lệ mới phù hợp với thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo Điều 162 LDN 2014. | Điều 162 LDN 2014 |
| 28 | Khoản 1 Điều 15 | Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. | Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. | Bổ sung cho phù hợp với LDN 2014 | Điểm b Khoản 2 Điều 15 LDN 2014 |
| 29 | Điểm b Khoản 2 Điều 15 | Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ | Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự | Bổ sung theo điểm b Khoản 4 Điều 15 LDN 2014 | Điểm b Khoản 4 Điều 15 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|---|---|--|---|
| | | đồng và người được ủy quyền dự họp | họp, số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền | | |
| 30 | Khoản 1 Điều 16 | Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. | Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. | Phù hợp quy định LDN 2014: Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ 1 là 51% (Đ.141.LDN) Điều kiện thông qua quyết định liên quan đến loại cổ phần là được 65% số cổ đông đại diện cho số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua. | Khoản 1 Điều 141 và Khoản 1 Điều 144 LDN 2014 |
| 31 | Khoản 3 Điều 17 | Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. | Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, | Sửa đổi cho phù hợp với LDN 2014 | Khoản 1 Điều 139 LDN 2014 |
| 32 | Khoản 1 Điều 18 | Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết | Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết | Sửa đổi cho phù hợp với LDN 2014 | Khoản 1 Điều 141 LDN 2014 |
| 33 | Khoản 2 | ...Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham | ...Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ | Sửa đổi cho phù hợp | Khoản 2 Điều 141 |



| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|--|------------------------------------|-------------------------|
| | Điều 18 | dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. | đồng và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết. | với LDN 2014 | LDN 2014 |
| 34 | Khoản 4 Điều 19 | Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. | Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số . Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. | Sửa đổi cho phù hợp với LDN 2014 | Điểm a Khoản 2 Điều 142 |
| 35 | Khoản 1 Điều 20 | Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng | Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị | Bổ sung theo quy định của LDN 2014 | Khoản 1 Điều 144 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|--|---|---------------------------|
| | | Quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành. | bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Công ty. | | |
| 36 | Khoản 2 Điều 20 | Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). | Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. | Thay đổi cho phù hợp với quy định LDN 2014 | Khoản 2 Điều 144 |
| 37 | Khoản 3 Điều 20 | Chưa quy định | Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ | Bổ sung phương thức lựa chọn TV HĐQT/BKS cho linh hoạt lựa chọn giữa 2 phương thức theo tỷ lệ | Khoản 3 Điều 144 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------|-------------------|---|---|---------------|
| | | | <p>đồng hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết phù hợp với các quy định tại Điều lệ này. Trường hợp biểu quyết theo phương thức bầu đôn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền đôn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>sở hữu hoặc bầu đôn phiếu, phù hợp với quy định trong LDN 2014</p> | |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------------|--|--|---|---|
| 38 | Điểm e Khoản 1 Điều 21 | Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu Điều lệ Công ty không quy định một tỷ lệ khác | Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. | Sửa đổi tỷ lệ cho phù hợp với biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. | Điểm d Khoản 2 Điều 143 và Điểm d Khoản 1 Điều 144 LDN 2014 |
| 39 | Khoản 2 Điều 21 | Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. | Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp. | Sửa đổi thời hạn gửi phiếu xin ý kiến và cách thức xin ý kiến cho phù hợp với LDN 2014 | Khoản 2 Điều 145 LDN 2014 |
| 40 | Khoản 4 Điều 21 | Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều là phiếu không hợp lệ. | Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây: a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm | Chỉnh sửa cho phù hợp với LDN 2014 Bổ sung trường hợp phiếu lấy ý kiến không được gửi về Công ty | Khoản 4 Điều 145 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------------|---|--|---|---|
| | | | kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là phiếu không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. | | |
| 41 | Điểm c Khoản 5 Điều 21 | Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết | Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết , kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; | Bổ sung thêm nội dung biên bản kiểm phiếu | Điểm c Khoản 5 Điều 145 LDN 2014 |
| 42 | Điểm f Khoản 5 Điều 21 | Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải.... | Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải | Bổ sung thêm nội dung biên bản kiểm phiếu | Điểm e Khoản 5 Điều 145 LDN 2014 |
| 43 | Khoản 6 Điều 21 | Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. | Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. | Quy định việc gửi biên bản kiểm phiếu cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử, phù hợp quy định LDN 2014. | Khoản 6 Điều 144 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|---|---|-------------------------------------|
| 44 | Khoản 8 Điều 21 | Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi có ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành bao gồm cả các vấn đề nêu tại khoản 1 Điều 20 và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | Điều chỉnh điều kiện thông qua quyết định của ĐHĐCD trong trường hợp lấy ý kiến bằng VB | Khoản 4 Điều 144 & Khoản 8 Điều 145 |
| 45 | Điều 22 | Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở | <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của</p> | Sửa đổi toàn bộ nội dung về Biên bản họp ĐHĐCD cho phù hợp LDN 2014 | Điều 146 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------|---|--|--|-------------------|
| | | chính của Công ty. | Công ty. | | |
| 46 | Điều 23 | <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> | <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24.</p> <p>2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> | Sửa đổi đối tượng có quyền yêu cầu xem xét huỷ bỏ nghị quyết của ĐHĐCD cho phù hợp với LDN | Điều 147 LDN 2014 |
| 47 | | Bổ sung thêm 1 điều sau Điều 23 | <p>Điều 24. Hiệu lực các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại quyết định đó.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được</p> | Bổ sung theo quy định tại Điều 148 LDN | Điều 148 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------------|--|--|--|---------------------------------|
| | | | <p>thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều 23, thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p> | | |
| 48 | Điểm 2 Điều 25 | Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; | Thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông đề cử. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và phải thông báo cho Hội đồng Quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; | Bổ sung thêm quy định thời hạn thông báo về việc nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT phù hợp quy định pháp luật. Sửa đổi lại tỷ lệ cổ phần nắm giữ được quyền đề cử ứng cử viên HĐQT cho phù hợp với LDN mới | Khoản 2 Điều 114 LDN 2014 |
| 49 | Điểm a Khoản 3 Điều 26 | Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; | Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty | Bổ sung thẩm quyền HĐQT, chuẩn hóa thuật ngữ phù hợp quy định pháp luật | Điều 149 LDN 2014 |
| 50 | Điểm c Khoản 3 | Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc | Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký | Sửa đổi, quy định rõ hơn về phân cấp thẩm | Điểm i Khoản 2 Điều 149 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------|---|---|---|--------------------------|
| | Điều 26 | và quyết định mức lương của họ; | hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác theo quy định quản lý nội bộ của Công ty. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó | quyền HĐQT đối với các chức danh quản lý tại Công ty cho phù hợp với LDN 2014 | |
| 51 | Điểm h Khoản 3 Điều 26 | Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền | Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu Công ty; | Sửa đổi theo quy định LDN 2014 | Điểm d Khoản 2 Điều 149 |
| 52 | Điểm l Khoản 3 Điều 26 | Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; | Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; | Bổ sung thẩm quyền của HĐQT theo LDN | Điểm o, Khoản 2 Điều 149 |
| 53 | Điểm b Khoản 4 Điều 26 | Thành lập các công ty con của Công ty; | Thành lập các công ty con của Công ty; việc góp vốn và mua lại cổ phần của doanh nghiệp khác. | Bổ sung thẩm quyền của HĐQT theo LDN | Điểm l, Khoản 2 Điều 149 |
| 54 | Điểm c Khoản 4 Điều 26 | Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn..... | Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm m Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Khoản 1 và 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn... | Chỉnh sửa dẫn chiếu phù hợp nội dung, phù hợp quy định pháp luật | Điểm h Khoản 2 Điều 149 |
| 55 | Điểm f Khoản 4 | Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ 20 (hai | Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ 20 (hai mươi) tỷ đồng | Sửa đổi thẩm quyền quyết định của HĐQT | Điểm e Khoản 2 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|---|---|-------------------------------------|
| | Điều 26 | mười) tỷ đồng đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản..... | đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản | đổi với lĩnh vực đầu tư cho phù hợp LDN | Điều 149 và điểm d Khoản 2 Điều 135 |
| 56 | Khoản 9 Điều 26 | Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. | Đề nghị bỏ. | | |
| 57 | Khoản 1 Điều 27 | Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. | Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty nếu được ĐHĐCD thông qua và Pháp luật không có quy định khác. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định của LDN 2014 | Khoản 1,2 Điều 152 |
| 58 | Khoản 1 Điều 28 | Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ | Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội | Theo LDN HĐQT sẽ bầu CT, không phải là | Khoản 1 Điều 153 và |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|----------------------------|---|--|---|------------------|
| | | Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. | đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. | ĐHĐCĐ nên chỉnh sửa cho phù hợp | Khoản 1 Điều 152 |
| 59 | Khoản 4 Điều 28 | Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp.....những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị. | Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.....những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị. | Sửa lại thời gian triệu tập họp theo LDN 2014 | Khoản 5 Điều 153 |
| 60 | Khoản 8 Điều 28 | Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. | Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên dự họp . Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. | Sửa lại theo quy định mới của LDN 2014 | Khoản 8 Điều 153 |
| 61 | Điểm a,c,d Khoản 9 Điều 28 | a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 | a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28 , mỗi thành viên c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều | Chỉnh sửa số điều khoản theo thứ tự mới | |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------------------|--|--|--|-------------------------|
| | | Điều 27, khi có d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này | 28 , khi có ... d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này | | |
| 62 | Khoản 2 Điều 31 | Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. | Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế | Sửa đổi cho phù hợp với quy định trong LDN 2014 | Khoản 2 Điều 157 |
| 63 | Điểm d Khoản 3 Điều 31 | Điểm d Khoản 3 Điều 31 chưa quy định |bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. | Bổ sung thêm cho phù hợp phân cấp thẩm quyền HĐQT và quy định LDN 2014 | Điểm đ khoản 3 Điều 157 |
| 64 | Điểm e Khoản 3 Điều 31 | Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm đó trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; | Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; | Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ Công ty. | |
| 65 | Điều 32 | 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp. | a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc Quản trị Công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ | Sửa đổi cho phù hợp với LDN 2014 | Khoản 5 Điều 152 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|------------|--|--|---|---------------|
| | | 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. | <p>cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> | | |
| 66 | Điều 33 | Điều lệ hiện hành chưa có | <p>Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc 1.Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây: a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật này; b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị; c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân</p> | Bổ sung thêm điều khoản mới quy định trong LDN 2014 | Điều 161 LDN |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|--|--|------------------------------|
| | | | <p>khác;</p> <p>đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> | | |
| 67 | Điều 34, 35... | Thành viên Ban Kiểm soát | Kiểm soát viên | Chuẩn hóa từ theo LDN tại các điều khoản ghi là thành viên BKS của Điều lệ | LDN 2014 Điều 163-169 |
| 68 | Khoản 1 Điều 34 | <p>Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên.</p> <p>Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban Kiểm soát không</p> | <p>Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.</p> <p>Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.</p> | <p>Sửa đổi bổ sung điều kiện, tiêu chuẩn của Kiểm soát viên theo quy định LDN 2014.</p> <p>Bổ sung quy định về trường hợp kết thúc nhiệm kỳ của KSV.</p> | Điều 163 và khoản 2 Điều 164 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|---|---|------------------|
| | | <p>phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.</p> <p>Bổ sung thêm, chưa quy định trong Điều lệ</p> | <p>Kiểm soát viên bầu một (01) thành viên trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> | | |
| 69 | Khoản 2 Điều 34 | Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên | Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát và phải thông báo cho Hội đồng Quản trị chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên | Bổ sung cho tương ứng với quy định ứng cử thành viên HĐQT trong quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ CTy. | |
| 70 | Khoản 4 Điều 34 | nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm | nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm | Sửa theo đúng quy định trong LDN | Khoản 1 Điều 163 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|--|---|---|---------------|
| 71 | Khoản 1 Điều 35 | Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. | Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Điều lệ này | Sửa theo điều khoản tương ứng trong LDN | Điều 165 |
| 72 | Khoản 1 Điều 39 | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này | Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này | Sửa điều khoản tương ứng trong Điều lệ | |
| 73 | Khoản 5 Điều 41 | Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. | Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua các công ty chứng khoán là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. | | |
| 74 | Khoản 1 Điều 44 | Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. | Chuẩn mực kế toán Công ty sử dụng là Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chuẩn mực kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | |
| 75 | Khoản 1 Điều 45 | Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này và, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh | Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này và, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|---|---|---|------------------|
| | | doanh. | | | |
| 76 | Khoản 3 Điều 45 | Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. | Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các quy định khác của Luật Doanh nghiệp (nếu có) . | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | |
| 77 | Khoản 2 Điều 47 | Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính | Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | |
| 78 | Điều 48 | 1. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | 1. Hội đồng Quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên Công ty b) Mã số doanh nghiệp 2. Trước khi sử dụng, Công ty phải có thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký doanh nghiệp để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 3. Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. | Điều chỉnh theo quy định mới của LDN 2014 | Điều 44 LDN 2014 |

| TT | Điều khoản | Điều lệ hiện hành | Sửa đổi bổ sung | Lý do sửa đổi bổ sung | Cơ sở pháp lý |
|----|-----------------|---|--|--|---------------------------|
| | | | 4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu. | | |
| 79 | Khoản 2 Điều 50 | Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua. | Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua | Gia hạn hoạt động của Công ty không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 144 LDN 2014, do đó tỷ lệ thông qua trong trường hợp này là 51% | Khoản 1 Điều 144 LDN 2014 |
| 80 | Khoản 4 Điều 54 | Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. | Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. | Bổ sung thêm người có thể ký sao y hoặc trích lục Điều lệ | |

Lưu ý: Sau khi các điều khoản bổ sung được thông qua, Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung sẽ được đánh số thứ tự điều khoản lại cho hợp lý mà không làm thay đổi nội dung đã được thông qua.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

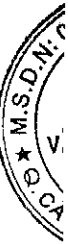
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 07:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKDD-ĐHĐCD ngày 24/5/2016)

**DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
THAY THẾ QUY CHẾ HIỆN HÀNH**



**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương, bao gồm các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban Kiểm soát nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho mọi hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ viết tắt

| | |
|-------------------------------|---|
| Ban Kiểm soát | : Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. |
| Công ty | : Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương |
| Cổ đông lớn | : là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty. |
| Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): | : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. |
| Điều lệ/Điều lệ Công ty | : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. |
| Hội đồng quản trị (HĐQT): | : Hội đồng quản trị Công ty. |
| Giám đốc (TGD) | : Giám đốc Công ty. |
| Luật Doanh nghiệp | Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. |

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

4.1. Ban Kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, luật chuyên ngành (nếu có), Điều lệ, nghị quyết, quyết định ĐHCĐ và các quy định tại Quy chế này. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.2. Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

Điều 5. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát

5.1. Ban Kiểm soát là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên.

5.2. Kiểm soát viên là những cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và có ít nhất Kiểm soát viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên không phải là cán bộ trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

5.3. Các Kiểm soát viên bầu một trong số Kiểm soát viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

5.4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5.5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

Người được bầu làm Trưởng ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho các thành viên đương nhiệm của Ban Kiểm soát trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.

5.6. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ Ban kiểm soát

6.1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát để thông qua ĐHĐCĐ.

6.2. Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6.3. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT, thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo Quy trình kiểm soát ban hành kèm theo tại Phụ lục 1 Quy chế này.

6.4. Trong trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, đồng thời yêu cầu chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn 7 ngày kể từ ngày ra thông báo trên, nếu đối tượng có hành vi vi phạm nêu trên không chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với các Cổ đông lớn.

6.5. Chủ trì đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của lãnh đạo Công ty.

6.6. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn quy định tại Điều lệ.

6.7. Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

6.8. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

6.9. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.10. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo liên quan đến các chức danh lãnh đạo thuộc HĐQT và Ban Giám đốc.

6.11. Lập và trình ĐHĐCĐ cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động năm của Ban Kiểm soát.

6.12. Thông báo cho HĐQT, Giám đốc kế hoạch tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty.

6.13. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của luật pháp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 7. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

7.1. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua hoặc ký ban hành Quy chế này nếu được ĐHĐCĐ ủy quyền.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát.

7.3. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.

7.4. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt.

7.5. Đề nghị HĐQT họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

7.6. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

7.7. Trao đổi ý kiến với Chủ tịch HĐQT (hoặc người được ủy quyền) về các nội dung trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi chính thức báo cáo ĐHĐCĐ.

7.8. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến ĐHĐCĐ.

7.9. Tham dự các cuộc họp giao ban của Công ty, các phiên họp của HĐQT (nếu cần thiết).

Điều 8. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên

8.1. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Kiểm soát về lĩnh vực được phân công.

8.2. Tham dự các phiên họp của HĐQT.

Điều 9. Quyền hạn của Ban Kiểm soát

9.1. Được HĐQT và Giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu.

9.2. Trong trường hợp cần thiết Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch HĐQT, Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.

9.3. Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của HĐQT, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.

9.4. Yêu cầu ĐHĐCĐ, HĐQT họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9.5. Tham dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết của Công ty.

9.6. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban Kiểm soát. Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Ban Kiểm soát về kế hoạch tổ chức các nội dung nói trên.

9.7. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Trình tự và thủ tục ra các quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

9.8. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập với chi phí hợp lý theo ngân sách hoạt động hàng năm đã được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao, tham khảo ý kiến các ủy viên HĐQT về hoạt động của Ban Kiểm soát cũng như nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình lên HĐQT.

Điều 10. Chế độ làm việc và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

10.1. Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban Kiểm soát.

10.2. Trưởng ban Kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban Kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát. Cuộc họp được gọi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên có mặt.

10.3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ tối thiểu 2 lần/năm do Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức hoặc người được ủy quyền Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập.

- Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- + Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên HĐQT;
- + Trưởng ban Kiểm soát hoặc nhất 2/3 (hai phần ba) Kiểm soát viên;
- + Giám đốc.

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau 2 (hai) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, HĐQT và các Kiểm soát viên phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 5 và Điều 7 Quy chế này làm Trưởng ban.

- Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên.

- Biểu quyết:

+ Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại Điều này) thực hiện biểu quyết.

+ Kiểm soát viên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty) với vấn đề/vụ việc được đưa ra biểu quyết sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề/vụ việc đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

+ Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt), ngoại trừ trường hợp mà Trưởng ban Kiểm soát/người được ủy quyền của Trưởng ban Kiểm soát chủ trì cuộc họp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều này.

+ Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10.4. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết quy định tại Khoản 10.3 Điều này. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban Kiểm soát.

Điều 11. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

11.1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.2. Quan hệ với cổ đông

11.2.1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo kiểm tra, giám sát định kỳ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát cho Cổ đông lớn và phối hợp với Cổ đông lớn trong các cuộc kiểm tra.

11.2.2. Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty.

11.2.3. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc khi có yêu cầu của Cổ đông lớn kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra cho HĐQT và Cổ đông lớn. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.3. Quan hệ với HĐQT

11.3.1. HĐQT chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Thư ký của HĐQT phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT.

11.3.2. Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT kết quả kiểm tra giám sát nội bộ sau khi thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất.

11.3.3. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

11.3.4. Các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 05 (năm) ngày làm việc để thẩm định.

11.3.5. Ban Kiểm soát thông báo cho HĐQT và tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên ĐHĐCĐ.

11.4. Quan hệ với Giám đốc

11.4.1. Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

11.4.2. Các báo cáo Giám đốc gửi tới HĐQT phải đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát.

11.4.3. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

11.4.4. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban Kiểm soát. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.

11.4.5. Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban Kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật

12.1. Trưởng Ban, các Kiểm soát viên có thành tích trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước và Công ty.

12.2. Trưởng Ban, các Kiểm soát viên vi phạm các quy định của pháp luật trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty bị xử lý theo quy định của pháp luật tùy theo mức độ sai phạm.

PHẦN III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

13.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

13.2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do ĐHĐCĐ quyết định.

Phụ lục 1: QUY TRÌNH KIỂM SOÁT

| Trách nhiệm | Công việc | Ghi chú |
|--|---|---|
| ĐHĐCĐ/ Cổ đông lớn/ nhóm cổ đông, HĐQT | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Yêu cầu kiểm soát</div> </div> | Bảng văn bản |
| BKS tham khảo HĐQT | <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;">Kiểm soát theo kế hoạch</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;">Kiểm soát đột xuất</div> </div> | Bảng văn bản |
| ĐHĐCĐ | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); transform-origin: center;"> <div style="border: 1px solid black; width: 80%; height: 80%; margin: 5px auto; transform: rotate(-45deg); transform-origin: center;">Trình ĐHĐCĐ</div> </div> </div> | Bảng văn bản |
| BKS | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Thông báo kiểm soát</div> </div> | Bảng văn bản |
| BKS | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Thực hiện kiểm soát</div> </div> | |
| BKS | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tổng hợp, lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm soát</div> </div> | Bảng văn bản |
| ĐHĐCĐ/ Cổ đông lớn/ nhóm cổ đông | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px dashed black; width: 150px; height: 50px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); transform-origin: center;">Trình báo cáo</div> </div> | Nếu kết quả kiểm tra có vấn đề nghiêm trọng |
| BKS, Các bộ phận liên quan | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Theo dõi thực hiện các kiến nghị của BKS</div> </div> | |
| Đơn vị | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị</div> </div> | Bảng văn bản |
| ĐHĐCĐ | <div style="text-align: center;"> <div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 100px; margin: 0 auto; transform: rotate(45deg); transform-origin: center;">Trình báo cáo</div> </div> | |

Ghi chú: - - - - -> Đại hội cổ đông bất thường

